

Số: 20 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO

Phục vụ kiểm đếm, kiểm toán chương trình hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia vay vốn của WB năm 2019

Thực hiện Công văn số 1364/VPĐP-TTHTQT ngày 26/11/2019 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về việc chuẩn bị kiểm đếm, kiểm toán chương trình hỗ trợ thực hiện hai chương trình mục tiêu quốc gia vay vốn của WB năm 2019; năm 2019, Trung ương giao kế hoạch vốn không phân rõ nguồn vốn trung ương trong nước, nguồn vốn trung ương nước ngoài, do đó căn cứ trên tổng nguồn vốn Trung ương giao chung, bám sát đề cương yêu cầu, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

1. Về lập kế hoạch lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai như sau:

Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 về kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020; có điều chỉnh, bổ sung kế hoạch tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/5/2019 và Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 về phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

Hàng năm, trên chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội của tỉnh, căn cứ nguồn lực trung hạn của trung ương giao và của tỉnh, tỉnh Quảng Ngãi phân bổ nguồn lực đúng theo hướng dẫn của trung ương để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

b) Chương trình 135

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động chỉ đạo xây dựng, ban hành các văn bản liên quan để thực hiện các chính sách của chương trình, cụ thể:

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016, UBND tỉnh cụ thể hóa tại Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020;

- Trên cơ sở Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020;

Đồng thời, căn cứ nguồn lực trung hạn của trung ương giao và nguồn lực của địa phương, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 5/4/2017, Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc CTMTQG Giảm nghèo bền vững. Trong đó, đã thực hiện lồng ghép kế hoạch thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã ATK, các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững vào trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Về các tiểu dự án phát triển cơ sở hạ tầng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 (Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ)

a) Văn bản hướng dẫn thực hiện đầu tư và khai thác công trình hạ tầng nông thôn:

*** Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

- Về cơ chế, chính sách: UBND tỉnh đã ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương như sau:

+ Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã và khen thưởng công trình phúc lợi cho huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020.

+ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 09/09/2016 phê duyệt Đề án Kiên cố hoá kênh mương thuỷ lợi gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020 và được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh.

+ Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 09/09/2016 ban hành Đề án phát triển giao thông nông thôn, thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 và được sửa đổi tại Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Về thực hiện Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của

chính phủ: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 119/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 về danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ đối với việc thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020, theo đó, UBND tỉnh ban hành các tập thiết kế mẫu, thiết kế điển hình gồm:

+ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 03/04/2017 ban hành các tập thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với công trình trường mầm non, mẫu giáo, các công trình xây dựng đường giao thông nông thôn và công trình kiên cố hoá kênh mương loại III trên địa bàn tỉnh.

+ Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 ban hành các tập thiết kế mẫu công trình chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 ban hành tập thiết kế mẫu công trình nhà văn hoá thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 ban hành tập thiết kế mẫu công trình nhà văn hoá xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

*** Chương trình 135**

Trong năm 2019, trên cơ sở kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và nhu cầu của các hộ dân thuộc diện hỗ trợ phát triển sản xuất, địa phương căn cứ các văn bản sau để tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện:

- Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

- Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 19/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII- kỳ họp thứ 4 thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020;

- Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền

vững tinh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh về quy định định mức kỹ thuật một số giống cây trồng, vật nuôi, vật tư để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

b) Danh sách các tiểu dự án, công trình áp dụng cơ chế đặc thù đã sàng lọc tính hợp lệ của tiểu dự án (theo các huyện, xã)

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Có phụ lục IIa kèm theo

- Chương trình 135

Có phụ lục IIb kèm theo

3. Về các tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Văn bản hướng dẫn thực hiện hỗ trợ sản xuất

** Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*

Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020.

Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017;

Quyết định số 4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt danh mục dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 và Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 điều chỉnh danh mục dự án hỗ trợ phát triển sản xuất tại Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định mức chi, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 (Nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh).

*** Chương trình 135**

Thực hiện Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 19/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Trong năm 2019, trên cơ sở kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và nhu cầu của các hộ dân thuộc diện hỗ trợ phát triển sản xuất, địa phương căn cứ các văn bản sau để tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện:

- Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

- Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 19/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII- kỳ họp thứ 4 về việc thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020;

- Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh về quy định định mức kỹ thuật một số giống cây trồng, vật nuôi, vật tư để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

b) Danh sách các tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã sàng lọc tính hợp lệ của tiểu dự án (theo các huyện, xã)

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Có phụ lục IIIa kèm theo

- Chương trình 135

Có phụ lục IIIb kèm theo

4. Đào tạo nâng cao năng lực

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Trong năm 2019, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi không mở lớp tập huấn cho cán bộ các cấp (tỉnh, huyện, xã, thôn) lập kế hoạch lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

b) Chương trình 135

Tổng kinh phí được sử dụng trong năm 2019 là 3.395 triệu đồng (*trong đó vốn năm 2018 chuyển sang là 1.005 triệu đồng, vốn phân bổ năm 2019 là 2.390 triệu đồng*). Theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước về thực hiện Tiểu dự án 3-Dự án 2 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018, việc nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở phải gắn với từng công trình, dự án, tổ, nhóm cụ thể, thời gian thực hiện phải phù hợp với thời gian xây dựng công trình, chu kỳ dự án, lịch hoạt động tổ, nhóm. Vì vậy việc thực hiện Tiểu dự án này năm 2019 chưa được triển khai. Ban Dân tộc tỉnh đã có văn bản xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Dân tộc, nhưng đến nay chưa nhận được văn bản hướng dẫn.

5. Báo cáo kết quả thực hiện và báo cáo tài chính

a) Báo cáo kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 của tỉnh

Năm 2019, giao kế hoạch vốn đầu tư cho 23 xã để đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó giao đầu năm 18 xã, bổ sung kế hoạch trong năm là 5 xã. Đến cuối năm trên địa bàn tỉnh có thêm 25 xã đạt chuẩn nông thôn mới (có 02 xã đã hoàn thành từ năm 2018), lũy kế trên địa bàn tỉnh có 83 xã, bình quân đạt 15 tiêu chí/xã. Đến 31/12/2019, trên địa bàn tỉnh có 03 khu dân cư kiểu mẫu, 01 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (H. Nghĩa Hành), 02 huyện đã hoàn thành công tác xây dựng nông thôn mới (H. Tư Nghĩa và H. Lý Sơn), vượt kế hoạch Trung ương giao (80 xã và 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới).

b) Báo cáo tài chính thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 của tỉnh

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển tỉnh giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 là 573 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương giao 283 tỷ đồng, trong đó: 240,3 tỷ đồng giao trực tiếp cho các dự án ngay từ đầu năm, riêng 42,7 tỷ đồng vốn dự phòng ngân sách trung ương phân khai trong tháng 11/2019 do chờ thông qua Nghị quyết HĐND tỉnh.

- Ngân sách tỉnh giao 290 tỷ đồng, trong đó: giao đầu năm 260 tỷ đồng¹,

¹ Trong 260 tỷ đồng bố trí như sau: (1) Hoàn ứng kế hoạch vốn năm 2019 để thực hiện kế hoạch năm 2018: 50 tỷ đồng; (2) Hỗ trợ có mục tiêu huyện Tư Nghĩa 20 tỷ đồng; (3) Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Sơn Tịnh 5 tỷ đồng; (4) Bố trí thực hiện Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: 15 tỷ đồng; (5) Hỗ trợ xi măng: 30 tỷ đồng; (6) Bố trí trực tiếp cho các dự án của 14 huyện, thành phố là 140 tỷ đồng.

30 tỷ đồng vốn vượt thu giao kế hoạch trong tháng 8/2019.

Tính đến ngày 31/12/2019, giải ngân đạt 90% kế hoạch, trong đó ngân sách tỉnh giải ngân đạt 95,6%, ngân sách trung ương giải ngân đạt 84,1%. Nếu tính riêng phần bố trí trực tiếp cho các dự án của 14 huyện, thành phố đến ngày 31/12/2019 giá trị giải ngân đạt 95,2%.

c) Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 135 năm 2019 của tỉnh

* **Tiểu dự án 1:** Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK, xã an toàn khu; các thôn ĐBKK.

- Tổng kinh phí thực hiện là: 64.009 triệu đồng (*vốn Trung ương*). Trong đó, vốn đầu tư phát triển: 59.680 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 4.329 triệu đồng.

- Về kết quả thực hiện:

+ Đối với nguồn vốn đầu tư: Thực hiện đầu tư cho 118 công trình cơ sở hạ tầng. Trong đó, có 93 công trình đầu tư mới gồm: 63 công trình giao thông, 15 công trình thủy lợi, 05 công trình sinh hoạt cộng đồng, 05 công trình nước sinh hoạt và 05 công trình giáo dục; đầu tư công trình chuyển tiếp, trả nợ 25 công trình hoàn thành, gồm: 19 công trình giao thông, 03 công trình thủy lợi, 02 công trình điện dân dụng, 01 công trình nước sinh hoạt. Hiện nay các công trình chuyển tiếp đã hoàn thành, 11 công trình đầu tư mới đã hoàn thành và đã giải ngân vốn đầu tư 48.347,578 triệu đồng, tỷ lệ 81,01%.

+ Đối với nguồn vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng 24 công trình hạ tầng hư hỏng xuống cấp, gồm: 11 công trình giao thông, 06 công trình thủy lợi, 03 công trình sinh hoạt cộng đồng, 04 công trình nước sinh hoạt. Hiện nay có 11 công trình đã hoàn thành và giải ngân 3.127,731 triệu đồng, tỷ lệ 72,23%

Tiểu dự án 1 giải ngân đến ngày 31/12/2019 là 51.474,309 triệu đồng, tỷ lệ 80,42%.

* **Tiểu dự án 2:** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn đặc biệt khó khăn.

Tổng kinh phí thực hiện 24.817,645 triệu đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương: 15.405 triệu đồng; ngân sách địa phương 1.290 triệu đồng; nguồn vốn huy động khác 8.122,645 triệu đồng với kết quả thực hiện như sau:

- Xây dựng và thực hiện 51 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho 671 hộ với các dự án trồng trọt (*cây cau, cây quế, cây keo...*), dự án chăn nuôi (*nuôi trâu, bò...*).

- Xây dựng và nhân rộng 05 mô hình giảm nghèo có hiệu quả cho 110 hộ với các mô hình như: Chăn nuôi gà kiến thả vườn; nuôi heo cò địa phương; liên kết tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm heo ky; chăn nuôi bò cái địa phương sinh sản; chăn nuôi trâu cái nội sinh sản.

Tiểu dự án 2 giải ngân đến ngày 31/12/2019 là 22.964 triệu đồng, tỷ lệ 92,53%.

* **Tiểu dự án 3:** Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các

xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; thôn đặc biệt khó khăn. Ngân sách Trung ương bố trí: 2.390 triệu đồng, nội dung này chưa triển khai thực hiện.

d) Báo cáo tài chính thực hiện Chương trình 135 năm 2019 của tỉnh

Tổng kinh phí bố trí thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) năm 2019 là 81.803 triệu đồng. Trong đó: vốn đầu tư phát triển 59.680 triệu đồng để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; vốn sự nghiệp 22.123 triệu đồng để thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở.

Năm 2019 thực hiện đạt 74.112 triệu đồng, bằng 90,6% dự toán giao. Trong đó: vốn đầu tư phát triển 56.696 triệu đồng, bằng 95% dự toán; vốn sự nghiệp 17.416 triệu đồng, bằng 79% dự toán.

Trên đây là nội dung báo cáo phục vụ kiểm đếm, kiểm toán chương trình hỗ trợ thực hiện hai chương trình mục tiêu Quốc gia vay vốn của WB năm 2019, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới TW;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, KT, NNTN, CBTH;
- Lưu: VT, THbha39.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

Phụ lục I

**Danh sách các đơn vị xã và xã có thôn thuộc Chương trình 135
đã thực hiện đầy đủ quy trình lập kế hoạch lồng ghép
trong trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương**



(Ký, Duyệt, Đóng dấu số 20 /BC-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Đơn vị	Thôn thuộc Chương trình 135	Ghi chú
I	Huyện Trà Bồng		
1	Thị trấn Trà Xuân	Tổ dân phố 7	
2	Xã Trà Phú		
3	Xã Trà Bình	Thôn Bình Trung	
4	Xã Trà Sơn		
5	Xã Trà Thủy		
6	Xã Trà Giang		
7	Xã Trà Lâm		
8	Xã Trà Hiệp		
9	Xã Trà Tân		
10	Xã Trà Bùi		
II	Huyện Sơn Hà		
1	Xã Sơn Hạ		
2	Xã Sơn Thành	Thôn Hà Thành, Thôn Hoãn Vây, Thôn Làng Vệt	
3	Xã Sơn Nham		
4	Xã Sơn Cao		
5	Xã Sơn Linh		
6	Xã Sơn Giang	Thôn Làng Lùng, Thôn Làng Rê, Thôn Tà Đình,	
7	Xã Sơn Hải	Thôn Gò Sim, Thôn Làng Trắng, Thôn Tà Mát, Thôn Làng Lành	
8	Xã Sơn Thủy	Thôn Tà Bì, Thôn Giá Gối	
9	Xã Sơn Kỳ	Thôn Làng Trắng, Thôn Bồ Nung, Thôn Tà Bắc, Thôn Mô Níc	
10	Xã Sơn Ba	Thôn Gò Da, Thôn Làng Già, Thôn Làng Chai	
11	Xã Sơn Bao		
12	Xã Sơn Thượng	Thôn Bờ Reo	
13	Xã Sơn Trung	Thôn Gò Rộc, Thôn Làng Lòn	
14	TT Di Lăng	Tổ dân phố Đồi Ráy, Tổ dân phố Nước Rạc, Tổ dân phố Nước Nĩa	
III	Huyện Sơn Tây		
1	Xã Sơn Dung		
2	Xã Sơn Long		
3	Xã Sơn Mùa		

TT	Đơn vị	Thôn thuộc Chương trình 135	Ghi chú
4	Xã Sơn Liên		
5	Xã Sơn Bua		
6	Xã Sơn Tân		
7	Xã Sơn Mậu		
8	Xã Sơn Tinh		
9	Xã Sơn Lập		
IV	Huyện Minh Long		
1	Xã Long Môn		
2	Xã Thanh An		
3	Xã Long Hiệp	Thôn Krây, Thôn Dục Ái, Thôn Thiệp Xuyên, Thôn Hà Liệt	
4	Xã Long Mai		
5	Xã Long Sơn		
V	Huyện Ba Tơ		
1	Xã Ba Khâm		
2	Xã Ba Trang		
3	Xã Ba Liên	Thôn Hương Chiêng	
4	Xã Ba Động		
5	Xã Ba Thành		
6	Xã Ba Vinh		
7	Xã Ba Bích		
8	Xã Ba Lễ		
9	Xã Ba Nam		
10	Xã Ba Chùa		
11	Xã Ba Giang		
12	Xã Ba Dinh		
13	Xã Ba Tô		
14	Xã Ba Vĩ	Thôn Nước Rò, Thôn Gò Vành, Thôn Mang Đen, Thôn Y Vang,	
15	Xã Ba Xa		
16	Xã Ba Tiêu	Thôn KRây	
17	Xã Ba Ngạc		
18	Thị trấn Ba Tơ	Tổ dân phố Vã Nhãn, Tổ dân phố Kon Dung, Tổ dân phố Uy Năng	
VI	Huyện Tây Trà		
1	Xã Trà Phong		
2	Xã Trà Thọ		
3	Xã Trà Lãnh		
4	Xã Trà Nham		
5	Xã Trà Xinh		
6	Xã Trà Thanh		

TT	Đơn vị	Thôn thuộc Chương trình 135	Ghi chú
7	Xã Trà Quân		
8	Xã Trà Khê		
9	Xã Trà Trung		
VII	Huyện Tư Nghĩa		
1	Xã Nghĩa Thọ		
VIII	Huyện Sơn Tịnh		
1	Tịnh Đông	Thôn Tân An, Thôn Hưng Nhượng Bắc	
IX	Huyện Bình Sơn		
1	Bình An	Thôn Thọ An	
X	Huyện Nghĩa Hành		
1	Xã Hành Tín Đông	Thôn Khánh Giang, Thôn Trường Lệ,	
2	Xã Hành Tín Tây	Thôn Trũng Kè 1, Thôn Trũng Kè 2	

**DANH SÁCH CÁC TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH ÁP DỤNG CƠ CHẾ ĐẶC THÙ
THEO NGHỊ ĐỊNH 161/2016/NĐ-CP
CÔNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**



Tỉnh Quảng Ngãi - Năm 2019

(Kèm theo báo cáo số 10 /BC-UBND ngày 07 /02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
I	TP. QUẢNG NGÃI		
1	Xã Tịnh Kỳ		
2	Xã Tịnh Hòa		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Trường mầm non Tịnh Hòa: 08 phòng hiệu bộ và phòng chức năng, sân chơi, tường rào	9055a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND TP.Quảng Ngãi	
	Trường mầm non Tịnh Hòa - Diêm Minh Quang: Nhà ăn	127/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Tịnh Hòa	
	Trường tiểu học số 1 Tịnh Hòa: Nhà vệ sinh, sân nền, tường rào	128/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Tịnh Hòa	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Vĩnh Sơn	129/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Tịnh Hòa	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Phú Mỹ	130/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Tịnh Hòa	
3	Xã Tịnh Thiện		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH kênh B10-VC9 - Đồng Bàu Tập Mỹ	40/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Tịnh Thiện	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến Nhà Đỗ Sự - Nhà Liên Thạch	12a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Tịnh Thiện	
	Đ.thôn: Tuyến Ngã 3 Miếu - Cây Quáo	13/QĐ-UBND ngày 31/10/20018 của UBND xã Tịnh Thiện	
4	Xã Tịnh Ấn Tây		
5	Xã Tịnh Ấn Đông		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: BTXM tuyến Ngã 3 đội 2 - giáp Hàng Gia Vĩnh Tuy (Hoà Bình)	07/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	Đ.thôn: Tuyến Bà Lối đi trung tâm xã (Bình Đăng)	11/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: Tuyến Khách sạn Sơn Long - Núi cấm	166/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	Đ.thôn: Tuyến Ngã 3 năm Tàu - ngã 3 ngõ Thịnh đội 5 (Hạnh Phúc)	167/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	Đ.thôn: Tuyến Quán Hoàng - Nhà họp đội 2 (Hòa Bình)	168/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	Đ.thôn: Tuyến Cửa mương - sân vận động đội 5 (Hạnh Phúc)	169/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ. thôn: Tuyến Ngõ Tâm đội 3 - Vườn ông Việt (Hòa Bình)	170/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	Đ. thôn: Tuyến Ngã 3 nhà Hiếu - nhà Lợi (Tự Do)	171/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	KCH kênh B8-11 Cống Ngâm - Vườn bà Ôi (Bình Đăng)	172/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	KCH kênh B8-11 Ngõ Quang - Cây Dúi	173/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	KCH kênh Ngõ Cừu - cầu Vòng (Hạnh Phúc)	174/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	KCH kênh B8-11 đi bầu đưng (Bình Đăng)	175/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	KCH kênh B8-9 giáp kênh chìm (Độc Lập)	176/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	KCH kênh B8-11 - nương bầu Thả đồng đất sắt (Hoà Bình)	177/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	KCH kênh B8-11 - miếu đội 8 (Bình Đăng)	178/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	KCH kênh Vườn bà Văn - Rộc Chùa (Đoàn Kết)	179/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Tịnh Ấn Đông	
	Trường Mầm non xã Tịnh Ấn Đông: 05 phòng học; nhà để xe; đường nội bộ	9044a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 UBND TP. Quảng Ngãi	
	Trường Tiểu học Tịnh Ấn Đông: 06 phòng học; hội trường, nhà vệ sinh	9058a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 UBND TP. Quảng Ngãi	
	Trường THCS Tịnh Ấn Đông: 06 phòng học; nhà vệ sinh	9060a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 UBND TP. Quảng Ngãi	
6	Xã Tịnh An		
7	Xã Tịnh Long		
8	Xã Nghĩa Hà		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: Tuyến từ ngã 3 Bà Lũy đi Nguyễn Nhựt	83/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Nghĩa Hà	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. thôn: Tuyến từ Bui Duân đi đập Xuân Hưng (Xuân An)	709/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND xã Nghĩa Hà	
	Đ. thôn: Tuyến cầu Xuân An giáp đường Bình Tây - Hồ Tiểu	257/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND xã Nghĩa Hà	
9	Xã Nghĩa Phú		
10	Xã Nghĩa An		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Nhà đa năng trường THCS Nghĩa An	749 /QĐ-UBND ngày 15/30/2018 của UBND xã Nghĩa An	
11	Xã Tịnh Châu		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Kênh Trạm bơm Núi Xanh - Rộc Tự, Kim Lộc	42/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Tịnh Châu	
12	Xã Tịnh Khê		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Phòng chức năng trường Tiểu học Tịnh Khê 2	31 /QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Tịnh Khê	
II	H. BÌNH SƠN		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
1	Xã Bình Hải		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: Nhà niên (Hải Thuận) – Đập Trảng (Hải Nam)	126a/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND xã Bình Hải	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. thôn: Tuyến từ khu di tích Vạn Tường - trảng đập Hải Nam (Giai đoạn 2)	164a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Hải	
2	Xã Bình Châu		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Định Tân	176b/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Châu	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Phú Quý	176a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Châu	
3	Xã Bình Trị		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. thôn: Tuyến Chợ Cá đi Gò Hồng, thôn Lệ Thủy	233a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Trị	
	Đ. thôn: Tuyến Ngõ Thu đi Ngõ Xứng	231/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Trị	
4	Xã Bình Thạnh		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Trường Tiểu học số 1 Bình Thạnh (cụm chính)	23a/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Bình Thạnh	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. xã: Tuyến từ đường Dốc Sỏi-Dung Quất đến Hải Ninh (đoạn từ nhà ông Nguyễn May, thôn Vĩnh An đến Bến cá thôn Hải Ninh)	135/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thạnh	
	Đ. thôn: Tuyến từ Tây An đến Phước An 2 (Đoạn đường từ cầu Bà Thông đến giáp tuyến đường bê tông xóm Tây An, thôn Trung An)	131/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND xã Bình Thạnh	
	Đ. thôn: Tuyến Tây An đến Toàn An đến giáp tuyến đường số 3 Dung Quất - Chu Lai	130/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND xã Bình Thạnh	
	Trường mẫu giáo Bình Thạnh: 04 phòng học và hạng mục khác	134 /QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thạnh	
	Trường Tiểu học số 1 Bình Thạnh (cụm chính): 02 phòng học, 06 phòng chức năng	133 /QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thạnh	
	Trường THCS Bình Thạnh: 10 phòng học, 6 phòng chức năng, nhà hiệu bộ,...	125/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND xã Bình Thạnh	
	Sân thể thao, sửa chữa, nâng cấp Nhà Văn hóa thôn Trung An	129/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND xã Bình Thạnh	
	Khu văn hóa, thể thao xã	132/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND xã Bình Thạnh	
5	Xã Bình Đông		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Trường tiểu học thôn Tân Hy	54a/QĐ-UBND ngày 14/4/2018 của UBND xã Bình Đông	
6	Xã Bình Chánh		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Kiên cố hóa kênh Trung Minh đi Mỹ Tân	20a/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Bình Chánh	

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	KCH kênh B3-15-2	10/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND xã Bình Chánh	
7	Xã Bình Trung		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: Tuyến Đê Gò Hường - Đình (nối dài)	25/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Bình Trung	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. xã: tuyến Trung minh - Ngõ Chư (nối dài)	18/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND xã Bình Trung	
8	Xã Bình Chương		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. xã: BTXM tuyến TL622B đi xóm 5 (tái định cư)	15/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Bình Chương	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn thôn Nam Thuận	86/QĐ-UBND ngày 08/7/2019 của UBND xã Bình Chương	
9	Xã Bình Thanh Tây		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: Tuyến ĐH (Đông Tây) - Cao su nối tiếp	16a/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	KCH kênh KB12-6 nhánh rẽ - Đồng Giữa	16b/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. thôn: Tuyến từ 7/5 - Hội Bình (thôn Phước Hòa)	131/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	KCH kênh hồ Hóc Bứa - Rộc Bàn	144/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	KCH kênh BM 2-2 - Gò Chỉ	33/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	KCH kênh BM 2-3 - Gò Bọ	140/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	KCH kênh Bàu cạn - Cây Bêu	138/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	KCH kênh BM 2-1 - Đồng Dài	136/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	KCH kênh BM 2-4-1 - Thổ Huy	142a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	Trường mầm non Bình Thanh Tây: 06 phòng học + hạng mục khác	142/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	Trường THCS Bình Thanh Tây: 10 phòng học	139/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	Nâng cấp hội trường UBND xã	149/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Thanh Tây	
	Sân thể thao xã	141/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	Sân thể thao, tường rào nhà văn hóa các thôn Thạnh Thiện, Phước Hòa, An Quang	148/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
	Sửa chữa, nâng cấp trạm y tế xã Bình Thanh Tây	137/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Thanh Tây	
10	Xã Bình Thanh Đông		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: BTXM tuyến từ đường huyện đi xã Bình Hòa (giai đoạn 3)	23/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Bình Thanh Đông	
11	Xã Bình An		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.thôn: Tuyến nhà Sơn Hiền đi Lê Quang Nữa	56/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND xã Bình An	
12	Xã Bình Hiệp		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Tuyến Bình Hiệp - Bình Thanh Tây	27a/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: Tuyến từ đường công vụ (nhà ông Thống) - Phú Hòa (Tịnh Thọ)	132a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	Đ.xã: Tuyến từ QL1A (ngã ba Núi Vỡ) - Tịnh Thọ (Lộc Trung)	118/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Hiệp	
	Đ.xã: Tuyến từ đất ông Mai - Nghĩa trang liệt sĩ	126/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Bình Hiệp	
	Đ.thôn: Tuyến từ nhà hạp Trung Nam - Mỹ Trung (đi Mỹ Tây)	120/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	Đ.thôn: Tuyến từ ngõ Quyền (Đội 5) - Vạn An.. Kênh B5A (xóm Hồ)	127/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	Đ.thôn: Tuyến từ cầu Bàu Lát - Ngõ Hùng (Đội 2)	123/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	KCH kênh B5A2 - Đội 9 (Liên Mỹ)	128/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	KCH kênh B7 - nhà ông Chính	129/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	KCH kênh B5A2 - Đồng Rối (Đội 10)	124/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	KCH kênh đập Hồ vàng - kênh B7	125/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	KCH kênh nhà ông Huân - nhà ông Sáu Tài	122/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	KCH kênh từ Mương Kênh đến Đồng Đế ngoài	130/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	KCH kênh B5A - Ngõ Dự (Đội 2)	119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	Trường Mẫu giáo Bình Hiệp	131/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	Trường Tiểu học Bình Hiệp: 06 phòng học		
	Trường THCS Bình Hiệp: 04 Phòng học		
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Liên Trì Tây	133b/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Liên Trì	133c/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Liên Trì Đông	132/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Xuân Yên Đông	133a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hiệp	
13	Xã Bình Hòa		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: BTXM tuyến Trường Lộc Tự đi Bình Hải (GD2)	35a/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Hòa	
14	Xã Bình Khương		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: BTXM tuyến Cầu Cây Sung đến Bình An	24a/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: Tuyến từ thôn Trà Lắm đến thôn Phước An đến Bình Nguyên	181/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	Đ.xã: Tuyến nhà ông Minh - UBND xã	182/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	Đ.xã: Tuyến ngõ nhà Ông Toán - Ranh giới Bình An	179/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	Đ.xã: Tuyến trên Nghĩa Trang - Gò Mù U	186/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	Đ.thôn: Tuyến ông Phụng đến xóm ông Tạo	190/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	Đ.thôn: Tuyến Nhà văn hóa - cầu bà Luật	180/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	KCH kênh từ đập Hồ Dưỡng đến Giếng Mội	180/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	KCH kênh từ đập Hồ Dưỡng đến nhà Nguyễn Công Luận	188/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	KCH kênh từ Ngõ Thị - Xe Cháy	185/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	KCH kênh từ hồ Hồ Đá - cống Vũ Ô - đồng Đá Mọc	184/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	KCH kênh từ đập Hồ Mít - đồng Rộ Tùng	183/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	Trường mẫu giáo Bình Khương - cơ sở Trà Lắm: 02 phòng học, bếp ăn, nhà vệ sinh, sân, đường nội bộ	193/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	Điểm trường mẫu giáo Phước An: Phòng học, bếp ăn	194/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	Trường tiểu học Bình Khương - cơ sở Thanh Trà: Nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh	178/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	Trường THCS Bình Khương: phòng học, nhà vệ sinh	192/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	Nhà văn hóa xã	191/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
	Sân vận động xã	189/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình khương	
15	Xã Bình Long		
16	Xã Bình Minh		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: tuyến TBABM 2 đi nhà ông Trương (nối dài)	191/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Minh	
17	Xã Bình Mỹ		
18	Xã Bình Nguyên		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ. thôn: Tuyến từ đường BTXM cầu Bình Giá đến đuôi đường xóm 9		
	Đ. thôn: Tuyến nhà Lê Cư đến Lâm Chanh		
19	Xã Bình Phú		
20	Xã Bình Phước		
21	Xã Bình Tân		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: Tuyến Tam Phụ - Dốc bà Thìn	18/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Tân	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Nhơn hòa 1	115/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Tân	
22	Xã Bình Thuận		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. xã: BTXM tuyến từ nhà ông Lê Quang Sơn đến nhà ông Dương Xê (GD2)	QĐ số 159/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch UBND xã	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tuyết Diêm 2	QĐ số 236a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND xã	
23	Xã Bình Thới		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. xã: Nâng cấp mở rộng tuyến Tỉnh lộ 621 - Xóm 3, An châu	33/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Thới	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. xã: Tuyến Tỉnh lộ 621 - Bầu Dầu	118a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Bình Thới	
24	Xã Bình Dương		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	KCH Kênh B3-16-Nhà Cưng	112/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của chủ tịch UBND xã Bình Dương	
III	H. SON TỊNH		
1	Xã Tịnh Giang		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Mở rộng khu thể thao xã	272/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Tịnh Giang	
2	Xã Tịnh Bắc		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Trường Mầm non Tịnh Bắc: Phòng hiệu bộ, sân chơi	267/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Tịnh Giang	
3	Xã Tịnh Đông		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. xã: BTXM tuyến Tân Hưng - Cầu bà Doan (GD1)	3862/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	
	KCH kênh Bm1 - Tịnh Bắc	3817/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. xã: Tuyến Từ đường BT tân Hưng - Cầu bầu Doan (giai đoạn 2)	71/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. xã: Tuyến Từ đường nhựa đi Trà Tân - Tịnh Giang	82/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Đ. xã: Tuyến đường QL 24B (nhà ông Mai - Luận) - Nhà ông Quả	72/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Đ. xã: Tuyến đường QL 24B - Tịnh Bắc	73/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến ngõ ông Lê Văn Tiên - Ngõ ông Ao	81/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ. thôn: Tuyến Nhà ông Lê Phú Đạt - Nhà cộng đồng	80/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến QL24B - kênh chính Bắc	74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến Ao cá ông Trai - Kênh Tịnh Hiệp	70/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến Ngõ ông Hồng Phú - Ngõ ông Công	69/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến Nhà ông Hùng - Đường BTXM liên xã	68/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến QL 24B - Ngõ ông Hòa	67/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến QL 24B - Ngõ ông Nhi	66/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến Ngõ ông Khâm - Ngõ ông Hoa	64/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến Ngõ ông Mai - Ngõ ông Đông	63/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến Ngõ ông Hận - Nhà ông Đức	62/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Trường THCS Tịnh Đông, hạng mục: 06 phòng chức năng	65/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Sửa chữa, nâng cấp Hội trường đa năng, kết hợp nhà văn hóa xã Tịnh Đông	84/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Khu thể thao xã Tịnh Đông	83/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn An Bình	61/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tân Phước	75/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Đồng nhơn Nam	79/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Đồng nhơn Bắc	76/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Giữa	77/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Hương Nhượng Nam	78/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Nghĩa trang nhân dân Bông Giang xã Tịnh Đông	85/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Chợ Tịnh Đông	86/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
4	Xã Tịnh Minh		
	* Công trình khởi công mới		
	Trường Tiểu học Tịnh Minh: Nhà hiệu bộ	144a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
5	Xã Tịnh Hiệp		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Đ. xã: BTXM tuyến Ngõ Ông Sang - ngõ Ông Võ Kỳ	4447/QĐ-UBND ngày 12/9/2017	
	KCH Kênh Đập đèo (nổi dài)	3690/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	
6	Xã Tịnh Bình		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Trường mầm non Tịnh Bình (điểm trường trung tâm)	201/QĐ-UBND ngày 07/10/2017	
7	Xã Tịnh Thọ		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Đ. thôn: Tuyến Trần Vững Thảo - Kênh B5	2962/QĐ-UBND ngày 05/7/2018	
	* Công trình khởi công mới		
	KCH kênh số 5 Trạm bơm Thọ Nam	173/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
8	Xã Tịnh Phong		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Đ. xã: BTXM tuyến Ngõ bà Định - Tịnh Ấn Đông (đoạn còn lại)	2201/QĐ-UBND ngày 30/5/2018	
	* Công trình khởi công mới		
	Đ. xã: tuyến Hồ Thị Mân - Ra Miếu	39/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. xã: tuyến Ngõ Bùi Cây - Tịnh Ấn Tây	43/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. xã: tuyến Ngõ Cửa đi QL1A	42/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. xã: tuyến Nguyễn Duy Nhật - Suối Kinh	44/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. xã: tuyến đường B10 - Bình Tân	45/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. xã: Tuyến Ngõ Đình Phụng - Ra Miếu	40/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. thôn: tuyến QL 1A -Phạm Trúc	41/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	KCH tuyến kênh B8-9	46/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	KCH tuyến kênh B8-9 nhánh 1 - Rộc Quả	47/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Trường Mầm Non Tịnh Phong: phòng học, sân chơi, sửa chữa, nâng cấp	50/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Nâng cấp hội trường đa năng, kết hợp nhà văn hóa xã Tịnh Phong	48/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Khu thể thao xã Tịnh Phong	49/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Nhà văn hóa thôn Phú Lộc	53/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Nhà văn hóa thôn Trường Thọ	51/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Nhà văn hóa thôn Thế Lợi	52/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
9	Xã Tịnh Hà		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Trường Mầm Non Tịnh Hà	3664/QĐ-UBND ngày 06/8/2018	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. xã: Tuyến QL24B (Cầu Bà Tá) - Cầu Ông Ban (nối dài)	416/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	KCH tuyến kênh B654 nối dài (đi đội 15)	417/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	KCH tuyến kênh B6-5 (Hà Trung)	418/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	KCH tuyến kênh B6-5 (Hà Thọ Xuân đoạn cuối)	419/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Trường Mầm non Tịnh Hà (điểm Trung tâm): phòng hiệu bộ, phòng học	421/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Trường Tiểu học số 1 Tịnh Hà: 8 phòng học	422/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Trường Tiểu học số 2 Tịnh Hà: 8 phòng học, nhà	420/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Nâng cấp hội trường đa năng, kết hợp nhà văn hóa xã Tịnh Hà	423/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Nhà văn hóa thôn, sân thể thao thôn Trường Xuân	424/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Sân thể thao các thôn Thọ Lộc Tây, Thọ Lộc Bắc, Ngân Giang	425/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
10	Xã Tịnh Sơn		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Trường THCS Tịnh Sơn: 04 phòng chức năng	350/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
11	Xã Tịnh Trà		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Trường mầm non Tịnh Trà: Phòng hiệu bộ	217a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
IV	H. TUYÊN GIÃ		
1	Xã Nghĩa Thọ		
2	Xã Nghĩa Thương		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Cầu Mỹ Sơn 2	135/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND xã Nghĩa Thương	
3	Xã Nghĩa Kỳ		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. thôn: Ngõ Hiền Giám - Ngõ Sáu Miết	174b/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND xã Nghĩa Kỳ	
4	Xã Nghĩa Phương		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. thôn: Tuyến Gò Đu - Võ Quang Nguyên	21/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND xã Nghĩa Phương	
5	Xã Nghĩa Sơn		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	KCH kênh Đập Đồng Quang	145/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Nghĩa Sơn	

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	KCH kênh nhánh Đập Đồng Quang Phía Tây - Suối Cầu	144/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Nghĩa Sơn	
6	Xã Nghĩa Thắng		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Tuyến Tỉnh lộ 623B - Kênh chính Nam (Xóm 1, thôn An Tây)	123/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND xã Nghĩa Thắng	
7	Xã Nghĩa Thuận		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến Nghĩa Thuận - Nghĩa Thọ - Đá Hang (thôn Phú Thuận Tây)	182/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Nghĩa Thuận	
8	Xã Nghĩa Trung		
9	Xã Nghĩa Hiệp		
10	Xã Nghĩa Mỹ		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Tuyến Ngã 4 Cầu Móng - Huỳnh Văn Lộc	185/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND xã Nghĩa Mỹ	
11	Xã Nghĩa Điền		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	KCH kênh N8- Cầu 31	148A/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND xã Nghĩa Điền	
12	Xã Nghĩa Lâm		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	KCH kênh NVC6 nối dài	174B/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND xã Nghĩa Lâm	
13	Xã Nghĩa Hòa		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến Mai Xuân Hùng đi Ngõ Đốc	152/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND xã Nghĩa Lâm	
V	H. NGHĨA HÀNH		
1	Xã Hành Nhân		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH kênh từ Vườn Hoàng - ruộng Hương Hòa	14A/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND xã Hành Nhân	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: Tuyến Chợ Hành Nhân - Trạm bơm BN7	94A/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND xã Hành Nhân	
2	Xã Hành Thiện		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: ĐT624 - Ngõ Bùi Cảnh- Ngõ Mai Văn Thanh - ĐT624	25/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND xã Hành Thiện	
	KCH kênh từ trạm bơm Vạn Xuân - Mễ Sơn	136/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND xã Hành Thiện	
	KCH kênh từ Nhà văn hóa thôn Phú lâm Tây - ngõ Lũy	29/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND xã Hành Thiện	
	Xây mới 01 nhà văn hóa thôn	27/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND xã Hành Thiện	
3	Xã Hành Trung		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến Ngõ Tăng Ba - Ngõ Nhị	50a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Hành Trung	

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ. thôn: Tuyến Ngõ Minh - Ngõ Hương - Kiều Tư	50b/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Hành Trung	
	Đ. thôn: Tuyến ĐH54 - La Châu (Nhánh rẽ - Thầy Tiến)	50c/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Hành Trung	
4	Xã Hành Đức		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH kênh Kênh N12-3	130/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND xã Hành Đức	
	KCH kênh từ Muong Ó - Đồng Phan Thượng	27/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND xã Hành Đức	
	KCH kênh VC40	30/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND xã Hành Đức	
5	Xã Hành Dũng		
6	Xã Hành Phước		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. xã: Tuyến Ông Tòng - Trần kim Giao	20/02/2018 của UBND xã hành Phước	
	Đ. xã: Tuyến Vườn Ba Hở - Vườn Thành Tô	17c/QĐ-UBND ngày 20/02/2018 của Chủ tịch UBND xã Hành Phước	
7	Xã Hành Tín Đông		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Nhà văn hóa xã Hành Tín Đông kết hợp tránh lũ cộng đồng	15a-QĐ/UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Hành Tín Đông	
8	Xã Hành Tín Tây		
9	Xã Hành Thuận		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Trường mầm non Hành Thuận	155/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Hành Thuận	
10	Xã Hành Minh		
11	Xã Hành Thịnh		
VI	H. MỘ ĐỨC		
1	Xã Đức Minh		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. xã: Tuyến Đạm Thủy - Đôn Lương	112/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Đức Minh	
2	Xã Đức Lợi		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Hệ thống cấp điện xóm A	151/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới 2019</i>		
	BTXM: Tuyến ven biển Khu dịch vụ Trùng dương-Trạm biên phòng Đức Lợi	192/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Tuyến Ven Sông xóm A	209/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Tuyến Nguyễn Trường Ảnh - Đinh Văn Tây	210/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Tuyến đường lò gạch cũ - Xóm Ba	202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Tuyến Đỗ Sơn - Trần Ái Quát	205/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Tuyến Chợ Đức Lợi - KDC Tân Phú - Võ Văn Đưa	204/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Tuyến Nguyễn Biên - Cô Năm	206/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Tuyến Lê Quốc Chu - Tống Minh	211/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Tuyến Trần Kiều - Đinh Quang linh (GĐ2)	203/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Tuyến Dương Tấn Trang - Lê Văn Hùng kéo dài	207/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Tuyến Nguyễn Thị Rân- Phan Thanh Huy nối dài	212/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Tuyển từ UBND xã - Trần Anh Tuấn - Nguyễn Mua	208/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	KCH tuyển kênh từ trạm Bom - Ruộng Đầm Bàu	196/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Kênh từ ruộng Sông Ngang - Trạm Bom	197/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Kênh từ ruộng Ông Trang - Đầm Bàu	198/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Trường Mầm non xã Đức Lợi	195/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Trường Tiểu học xã Đức Lợi	194/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Trường Trung học cơ sở xã Đức Lợi	193/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Nhà Văn hóa xã	213/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Vinh Phú	200/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn An Chuẩn	199/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân	201/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
3	Xã Đức Thắng		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: tuyến Ngõ Hoa - Bãi Tắm	303/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017	
	Đ.xã: tuyến Tân Định - Dương Quang (GD2)	304/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới 2019</i>		
	Đ.xã: Tuyến Mỹ Khánh- Gia Hòa	466/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 11/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.xã: Tuyến Trường Tiểu học - Lê Mười	467/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 12/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.xã: Tuyến Ngõ Chư - Đức Chánh (GD3)	468/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 13/QĐ-UBND, ngày 14/1/2019	
	Đ.xã: Tuyến Trường Tiểu học - Nhà văn hóa thôn Đại Thạnh	469/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 14/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Lê Quang Ba - Rừng Dương	470/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 15/QĐ-UBND, ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Ngõ Nghiêm- Ngõ Ba	471/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 16/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Thu Ba- Bà Xoà	472/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 19/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Nhà văn hoá- Bờ vùng số 2	473/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 20/QĐ-UBND, ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Huỳnh Ngọc Ân- Trịnh Thị Thơ	474/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 21/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Trần Thanh- Lê Tuấn Chín	475/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 22/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Lê Thị Chi - Lê Tuấn Nghĩa - Võ Hồng	476/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 23/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Lê Tuấn Vinh - Trịnh Thị	477/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 24/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Trần Thị Mọn- Tạ Tường	465/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 25/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Trịnh Lượng- Trịnh Thành	478/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 26/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Ngã 3 Đường xã- Phan Tinh	479/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 27/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: Lê Thị Cự - Nguyễn Thanh Tâm	480/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 28/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ.thôn: NVH- Lê Thu	481/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 29/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ. thôn: Võ Qì- Huỳnh Giới	482/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 30/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ. thôn: Lê Thị Sương- Nguyễn Đạt	483/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 31/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ. thôn: Lê Vinh Hoàn- Lê Mười	484/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 32/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ. thôn: Đỗ Đăng Thương- Lê Thiệp	485/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 33/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ. thôn: Nhà Thờ Nguyễn Đăng- Sông	486/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 34/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Đ. thôn: Lê Tuấn Trai- Sông	487/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 35/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	KCH tuyến kênh mương Máng (Cổng Thoại)	489/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 36/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	KCH tuyến kênh S18-2-5 kéo dài (GD3)	490/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 37/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	KCH tuyến kênh S18-2-5-4 (GD3)	491/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 38/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	KCH tuyến kênh S18-2- Nghĩa từ	492/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 38/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	KCH tuyến kênh mương Rộc Phát	497/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 44/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	KCH kênh Bà Chế - Ngòi (S18-2-mương Bà Chế)	495/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 54/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	KCH tuyến kênh nổi Đồng Rừng	498/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 45/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	KCH tuyến kênh S18-2-9- Đồng Nam Biên 2	493/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 55/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	KCH tuyến kênh tưới Soi La	496/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 56/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	KCH tuyến kênh S18-2- Rào Thành	494/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 53/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Trường tiểu học Đức Thắng	499/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 41/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Trường THCS Đức Thắng	500/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 40/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn An Tĩnh	501/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 48/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tân Định	502/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 49/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Sân thể thao các thôn: Thanh Long, Gia Hòa, Mỹ Khánh, Dương Quang.	463/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 50/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Hệ thống nước sinh hoạt 03 thôn: Gia Hòa, Tân Định, Dương Quang	503/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 51/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
	Cảnh quan môi trường thôn Gia Hòa, xã Đức Thắng	504/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 52/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	
4	Xã Đức Chánh		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. xã: Tuyến Mỏ Cây - Thôn 1		
	Đ. xã: Tuyến Phú Nhon - Thôn 4 (giai đoạn 2)		
	<i>* Công trình khởi công mới 2019</i>		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ.xã: Tuyến ông Luật - ông Tiến	250/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ.xã: Tuyến ông Tàu - ông Đức	248/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ.xã: tuyến NVH thôn 1- Xuân Ba	249/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ.xã: Tuyến Cù Lao - Đội 6B	251/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ.xã: Tuyến Nghĩa trang nhân dân - thôn 6	252/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ.xã: Tuyến Ngõ bà Thành - Tân An	253/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ.xã: Tuyến ngõ ông Thông - Cẩm phần	254/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ.thôn: Tuyến Ngõ ông Hợp - Ngõ bà Thành	255/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Ngõ ông Tô -Ngõ bà Ngọc -Ngõ ông Ổ	264/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Ngõ ông Tiến - Ngõ bà Số	265/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Ngõ ông Hai - Ngõ bà Kê	256/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Ngõ bà Mai - Ngõ ông Gạt	266/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Ngõ ông Trà - Ngõ bà Lan (Vườn Dinh)	267/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Ngõ bà Thơm - Ngõ ông Văn	268/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Ngõ bà Hoàng - Ngõ ông Phong	257/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Ngõ ông Quân - Đền Văn Thánh	269/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Trường TH Mỏ Cày - Ngõ ông Mỹ	270/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Ngõ ông Trữ - Ngõ ông Ba Tới	271/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Ngõ ông Muộn - Ngõ ông Mẩn	272/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Ngõ ông Ba Trung - Ngõ ông Hoàng	273/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Đthôn: Tuyến Trường THCS Nguyễn Trãi - KDC số 6	274/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	KCH kênh S18.2 - Vượt cấp (GĐ1)	275/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	KCH kênh Ngõ ông Thạch - sau nhà ông Trí (GĐ 1)	276/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	KCH kênh S18.2.3 - Ruộng ông Hoanh	258/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	KCH kênh S18.6.3	259/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	KCH kênh S18.2.7 - Cống Lô 44	277/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	KCH kênh Ngõ ông Bá - Giáp Mương Đất sét	261/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	KCH kênh S18.8 - Đồng Tranh	260/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
	Trường Mầm non Đức Chánh CS 3	262/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018	
	TrườngTiểu học Đức Chánh	263/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018	
	Nhà Văn hóa Thôn 4	278/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	
5	Xã Đức Phong		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: Tuyến Nhà ông Chín Nề-giáp ngã 3 ông Thành (Tân An)	190/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
6	Xã Đức Thạnh		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến đường ông Trần - Thi Phổ - Minh Tân Bắc (giai đoạn 2)	178/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
7	Xã Đức Hòa		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: Tuyến đường Phước Luông - Đức Tân	256/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
8	Xã Đức Lân		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Tuyến đường QL1A (ngõ ông Thái) - Kênh Chính Nam	217/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: Tuyến QL 1A (ngõ ông Lê Biền) - Miếu Đá Bạc (GĐ1)	273/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
9	Xã Đức Hiệp		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: BTXM tuyến Xóm 1, An Long - Ti 2	178/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	
10	Xã Đức Phú		
11	Xã Đức Tân		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến Cầu kênh - Nhà thờ Họ Ngô	149/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
12	Xã Đức Nhuận		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH kênh S18-2-5-a1 - Đồng Gò	239/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Tuyến Ngõ Cúc - Ngõ Tích	200/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	
VII	H. ĐỨC PHỔ		
1	Xã Phổ An		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	KCH tuyến kênh đội 5,6 thôn An Thổ	215/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ An	
2	Xã Phổ Châu		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.thôn: BTXM tuyến Ngõ ông Ngô đi cầu Bà Tàu	156a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: Tuyến Ngõ Ông Anh - Đèo Bình Đê (Thôn Vĩnh Tuy)	158a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
3	Xã Phổ Quang		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH tuyến kênh đồng Đội 2	185/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến từ nhà ông Trần Trung Quốc đi bãi	143/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Đ.thôn: Tuyến nhà ông Lộc đi nhà ông Hà	147/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Đ.thôn: Tuyến nhà bà Ba đi bãi biển	149/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Đ.thôn: Tuyến nhà ông Ry đi bãi biển	139/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Đ.thôn: Tuyến nhà ông Xinh đi cầu Hải Tân	135/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Đ.thôn: Tuyến nhà bà Hảo đi nhà bà Chín	155/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Đ.thôn: Tuyến trạm biển áp số 1 đi nhà ông Lừa	145/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Đ.thôn: Tuyến nhà ông Hoàng đi rẫy đá	146/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Đ.thôn: Tuyến nhà ông Năng đi nghĩa địa	137/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Đ.thôn: Tuyến nhà ông Huỳnh Gia đi bãi biển	144/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Đ.thôn: Tuyến nhà bà Trần Thị Đủ đi bãi biển	138/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	KCH tuyến kênh đồng đội 1	142/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	KCH tuyến kênh đồng đội 2	140/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	KCH tuyến kênh đồng đội 3	141/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Trường mầm non Phổ Quang: Phòng hiệu bộ	134/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Trường Tiểu học Phổ Quang: Nhà hiệu bộ, phòng chức năng	151/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Trường THCS Phổ Quang: 04 phòng học	150/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Bàn An	148/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Du Quang	153/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Hải Tân	152/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Sân vận động trung tâm xã	136/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	Nhà văn hóa đa năng xã	154/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
4	Xã Phổ Thạnh		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ. thôn: tuyến từ Chùa Thanh Minh đến ngõ ông Tiến, thôn Đồng Văn	147e/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 91a/QĐ-UBND ngày 03/8/2018	
	Đ. thôn: tuyến từ cống ông Cầm đến KDC số 2 - Tân Diêm	147f/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	
	Nhà Văn hóa thôn Long Thạnh 2	147g/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. xã: Tuyến Long Thạnh 1 - Long Thạnh 2 (GD2)	146a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	
	Đ. xã: Tuyến QL1A - Gò Vàng La Vân (GD2)	80/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 50/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	
	Đ. xã: Tuyến QL1A - Đồng ruộng La Vân	81/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 51/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	
	Đ. xã: Sửa chữa, nâng cấp tuyến cầu Cầu Sa Huỳnh - Trạm kiểm soát Biên phòng	82b/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến QL1A - Nhà văn hóa xóm 1, Long Thạnh 1	82/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 49/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	
	Đ. thôn: Tuyến QL1A - Khu dân cư số 5, Tân Diêm	79/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
	Trường TH số 1 Phổ Thạnh: Sửa chữa 12 phòng học	63/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	
	Trường THCS phổ Thạnh :06 phòng học	64/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Long Thạnh 1	78/QĐ-UBND ngày 28/10/2018	
5	Xã Phổ Ninh		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. thôn: tuyến từ ngõ ông Tịnh - xóm mới thôn Thanh Lâm	154/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND xã Phổ Ninh	
6	Xã Phổ Hòa		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH tuyến Kênh N2 đi đồng Gieo (thôn Nho Lâm)	136b/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND xã Phổ Hòa	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Các phòng chức năng và công trình phụ trợ nhà văn hoá xã	137/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND xã Phổ Hòa	
7	Xã Phổ Minh		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: BTXM Tuyến từ nhà ông Khải - Nhà ông Tần, thôn Lâm An	188a/QĐ-UBND ngày 23/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	KCH Kênh nhà ông Quận - Đồng Trường Sanh	: 58/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
8	Xã Phổ Khánh		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: Tuyến từ nhà Mười Sọc đến xóm 9 Phú Long	251a/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND xã Phổ Khánh	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. xã: Tuyến đường Quốc lộ 1 - Phước Điền	213a/QĐ-UBND ngày 20/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Khánh	
9	Xã Phổ Cường		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. xã: BTXM Tuyến Xóm B (thôn Thủy Thạch) - Phổ Vinh	216/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND xã Phổ Cường	
	Đ. thôn: Tuyến Cầu Bà Cai - Nhà Ông Xây	215/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND xã Phổ Cường	
10	Xã Phổ Nhơn		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ.xã: BTXM tuyến từ Trạm xá - Vườn Đình	136a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	
11	Xã Phổ Phong		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Tuyến đường từ Km5 QL24 đi giáp đường Trà Cầu số Km7 Phổ Phong	199a/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND xã Phổ Phong	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: Tuyến Hiệp An - Hùng Nghĩa (GĐ2)	213a/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 của UBND xã Phổ Phong	
12	Xã Phổ Thuận		
13	Xã Phổ Văn		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Tuyến Gò Mốc - Kênh N8 (Tập An Nam)	245/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: Tuyến Quốc lộ 1A - Xóm mới (Đông Quang)	255/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	Đ.xã: Tuyến Sân Vận Động - Ngõ ông Nhuận (Tập An Nam)	252/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	Đ.xã: Tuyến ngõ bà Triết - Ngõ Nguyễn Chí Linh (Văn Trường)	243/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	Đ.xã: Tuyến ngõ bà Ry - Bờ kè sông Thoa (Thủy Triều)	251/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	Đ.thôn: Tuyến Ngõ ông Tươi - Vườn Dừa - Ngã 3 Trần Tiến (Đông Quang)	259/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	Đ.thôn: Tuyến ngõ ông Chi - Kênh N8	242/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	Đ.thôn: Tuyến ngõ Cô Hằng - Kênh N8 (TAN)	241/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	Đ.thôn: Tuyến ngã 3 Đông - Đường Trà Cầu Bến Mốc (TAN)	258/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	Đ.thôn: Tuyến Ngõ ông Hoàng Tăng - Gò Thiều (Tập An Bắc)	257/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	KCH kênh N8 (Năm trà) - Giáp nương tiêu Đồng Đình (Thủy Triều) (giai đoạn 1)	246/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	KCH từ soi trà cầu - Kênh N8 (Giai đoạn 2)	248/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	KCH từ Bờ tràn kênh N8.2 - Ngõ Bà Hoa (Đập bồi Văn Trường)	253/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	KCH Kênh Đồng Đình - Thủy Triều	253/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	KCH kênh N8 (Năm trà) - Đồng Đình (Thủy Triều) (giai đoạn 2)	256/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	KCH kênh N8.1.1 - Bàu Đĩa (Đám mật sa Tập An Bắc)	244/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	KCH kênh ngõ Nguyễn Chí Linh - ngõ Hoàng Tăng (Văn Trường +Đông Quang+Tập An Bắc)	247/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	KCH kênh Lô 4 - Cuối lô 21 (Gò Duối) thôn Tập An Nam	249/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
	KCHkênh N8.3 (Lô 2&3) - Cuối lô 27 (Tập An Nam + Thủy Triều)	250/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân Gò Thiều xã Phổ Văn (giai đoạn 1)	254/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Phổ Văn	
14	Xã Phổ Vinh		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.thôn: tuyến từ nhà ông Hành - nhà ông Bênh Đông Thuận	147a/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của chủ tịch UBND xã Phổ Vinh	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến từ nhà ông Tương (Đông Thuận) - nhà ông Đứng (Trung Lý)	165/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của chủ tịch UBND xã Phổ Vinh	
VIII	H. BA TƠ		
1	Xã Ba Động		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.thôn: Tuyến nhà ông Được - nhà bà Nguyễn Thị Sự, Tân Long Trung	1437a/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
2	Xã Ba Chùa		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nước sinh hoạt tự chảy thôn Gò Ghềm	156/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Chùa	
3	Xã Ba Vinh		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Nhà văn hóa thôn Làng Huy	936/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
	Nhà văn hóa thôn Hóc Đỏ	935/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
4	Xã Ba Giang		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Nối tiếp BTXM tuyến đường UBND xã đi Gò Lút	155K/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Giang	
	KCH kênh mương Nước Khôn, thôn Gò Khôn	155h/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Giang	
5	Xã Ba Thành		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến suối Ôn - Bể nước sạch	148/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Thành	
6	Xã Ba Khâm		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Tuyến đường Vây Ốc - Nước Giáp	1479/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: BTXM tuyến đường Vây Ốc - Nước Giáp (nối tiếp)	124c/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch xã Ba Khâm	
7	Xã Ba Bích		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến từ trường học thôn Đồng Vào - làng Thanh niên lập nghiệp	90/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Bích	
8	Xã Ba Trang		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.thôn: BTM đường thôn Bùi Hui (Tuyến nhà ông Ghé đi xóm Làng Leo)	1699/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Nhà văn hóa thôn Cây Muối	158b/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Trang	
9	Xã Ba Vĩ		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Nối tiếp đường BTXM trường thôn Nước Rò - Gò Xuyên	1599a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
	Đ.thôn: Nối tiếp đường BTXM từ ngã ba ông Tuấn đi tổ 3 Gò Vành	1464/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
	Đ.xã: BTXM tuyến Nước Trét - Gò Vành	121f/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Vĩ	
10	Xã Ba Xa		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH kênh mương Nước KDiêu - Mang Mu	1401/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
11	Xã Ba Cung		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH kênh Đồng Rong	1391/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Trường Tiểu học Ba Cung: 04 phòng chức năng	103/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Cung	
12	Xã Ba Tô		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH Kênh Tu Lui (thôn Làng Xi 1)	1395/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nhà văn hóa thôn Mang Lùng 2	168/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Tô	
13	Xã Ba Liên		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH Đập Đồng Nghệ	1394/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Tường rào Trường TH và THCS Ba Liên	137a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Liên	
14	Xã Ba Tiêu		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: BTXM tuyến QL 24 thôn Mang Biều (nối tiếp)	1466/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
	Đ.xã: Nối tiếp đường BTXM từ Vã Ka Nóc đi tổ 4, Gò Bô Nu	1467/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.xã: Nối tiếp đường BTXM QL24 thôn Krây	129d/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Tiêu	
15	Xã Ba Dinh		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.thôn: BTXM đường GTNT tuyến QL24 (Km35 +400) - Tổ 3 Đồng Dinh	1483/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ. thôn: Nối tiếp BTXM tuyến QL24 (Km38+150) - Tổ 2 Kách Lang	164a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Đình	
16	Xã Ba Ngạc		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Nhà văn hóa thôn Vi Ô Lắc	1009/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tư	
	* Công trình khởi công mới		
	Đ. xã: Nối tiếp BTXM tuyến từ cầu treo - Suối Nước Lầy	158e/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Ngạc	
17	Xã Ba Điền		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Đ. thôn: BTXM tuyến Làng Rêu đi Gò Vi	1355/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tư	
	Đ. xã: Nối tiếp BTXM tuyến đường Gò Nghênh đi Hy Long	1465/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tư	
18	Xã Ba Nam		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Đ. thôn: BTXM từ thôn Làng Dút II đi Mang Tương	1480/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tư	
	* Công trình khởi công mới		
	Đ. thôn: Tuyến Làng Dút II đi Mang Tương (nối tiếp)	Số 112/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Nam	
19	Xã Ba Lễ		
	* Công trình khởi công mới		
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Mang Krúi	101b/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Lễ	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Và Lếch	101a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Ba Lễ	
IX	H. MINH LONG		
1	Xã Long Hiệp		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Xây dựng nhà văn hóa thôn Một	347/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện Minh Long	
	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hai	346/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện Minh Long	
	* Công trình khởi công mới		
	Nghĩa trang nhân dân Hóc Quéo, thôn 2	1363/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Minh Long	
2	Xã Long Mai		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Khu thể thao xã Long Mai	116a/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND huyện Minh Long	
	* Công trình khởi công mới		
	Kiên cố hóa kênh mương Đồng Xối	1357/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Minh Long	
3	Xã Long Sơn		
	* Công trình khởi công mới		
	Đ. xã: Tuyến thôn Gò Nay - thôn Gò Tranh giữa	1296/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện Minh Long	

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ. xã: Tuyến từ Trạm hạ thế đến Hồ Bà Phi	1297/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện Minh Long	
	Trường THCS xã Long Sơn: Sửa chữa phòng học, tường rào, cổng ngõ	773/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND huyện Minh Long	
	Khu thể thao xã Long Sơn	1298/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện Minh Long	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Gò Tranh	1299/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện Minh Long	
	Nhà văn hóa, sân thể thao Yên Ngựa	1359/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Minh Long	
	Nhà văn hóa, sân thể thao Gò Chè	1360/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Minh Long	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Biều Qua	1361/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Minh Long	
	Nghĩa trang nhân dân Sơn Châu	1362/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Minh Long	
	Nâng cấp chợ trung tâm cụm xã	1430/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện Minh Long	
4	Xã Thanh An		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Khu thể thao xã Thanh An	115a/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND huyện Minh Long	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nghĩa trang nhân dân các thôn xã Thanh An	1364/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện Minh Long	
5	Xã Long Môn		
	Đ. xã: BTXM đường trung tâm Làng Trê	120a/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND huyện Minh Long	
X	H. SƠN HÀ		
1	Xã Sơn Hạ		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: Đường Tà Gai - Suối Cầu - Gò Sầm	23/QĐ-UBND ngày 14/03/2018	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. thôn: Tà Gai - Suối Cầu - Gò Sầm (nối tiếp)	174/QĐ-UBND ngày 12/02/2018	
2	Xã Sơn Thành		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: Đường Ruộng Viêng - Xóm Chăng	66a/QĐ-UBND ngày 14/03/2018	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. thôn: Tuyến QL24B - Gò Gạo (nối tiếp)	342a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đ. thôn: Tuyến Xã Trạch - Làng Vệt (nối tiếp)	320a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	
	KCH kênh chính Đông	346a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đường điện 04KVA từ Gò Rinh - Gò Đỗ	349a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Đường điện 04KVA UBND xã đi nhà ông Diệp và từ nhà ông Linh đi nhà ông Tiêu	350a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Khu văn hóa, thể thao xã Sơn Thành	341a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Hoàn Vay	344a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Làng Vệt	343a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
3	Xã Sơn Nham		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ.Thôn: Tuyến nhà Phạm Thanh Hùng và tuyến Nhà ông Thọ - Ba Nam, thôn Canh Mo	87/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
4	Xã Sơn Cao		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Đường BTXM xóm Tà Nữ đến xóm Gò Đá	26/QĐ-UBND ngày 16/02/2018	
5	Xã Sơn Linh		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Đường BTXM DH 72 - Xóm Thác	19a/QĐ-UBND ngày 15/03/2018	
6	Xã Sơn Giang		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến nhà Ô Đình Nghinh - nhà Ông Đình Văn Đường	87c/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
7	Xã Sơn Hải		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: BTXM tuyến UBND xã - Làng Trắng (nối tiếp đến sông Xà Lò)	39a/QĐ-UBND ngày 14/03/2018	
8	Xã Sơn Thủy		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH kênh Đập nước Lồng	20a/QĐ-UBND ngày 14/03/2019	
9	Xã Sơn Kỳ		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Đường Nước Lác-Làng Bám	25/QĐ-UBND ngày 14/03/2018	
10	Xã Sơn Ba		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	KCH kênh đập nước Tiểu - Đồng Di Hoảng	18/QĐ-UBND ngày 14/03/2018	
11	Xã Sơn Thượng		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Nối tiếp Đường Làng Vách - Làng Nưa	26b/QĐ-UBND ngày 14/03/2018	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.Thôn: Tuyến Làng Vách - Làng Nưa	871/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	
12	Xã Sơn Bao		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Cầu Nước Nâu	53/QĐ-UBND ngày 12/03/2018	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ.thôn: Tuyến Mang Nà - Nước Bao	104/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
13	Xã Sơn Trung		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: Đường BTXM từ UBND xã đến nhà ông Toa	17a/QĐ-UBND ngày 14/03/2018	
XI	H. SƠN TÂY		
1	Xã Sơn Dung		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ.xã: BTXM tuyến đường Đắc Lang - Cà Rá (nối dài)	23c/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Dung	
	Đường điện thôn Ka-Xim	110a/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 của Chủ tịch UBND xã Sơn Dung	
2	Xã Sơn Mầu		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nhà văn hóa thôn Hà Lén	99/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Mầu	

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
3	Xã Sơn Lập		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: BTXM tuyến xóm ông Bang - ông Huỳnh	10c/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Lập	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Kiên cố hóa kênh Tà Ngâm	87h/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Lập	
4	Xã Sơn Liên		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đập thủy lợi Nước Tủ Tang, thôn Đăk Long	28a/QĐ-UBND ngày 14/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Liên	
	Đập nước Mát, thôn Tang Tong	28/QĐ-UBND ngày 14/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Liên	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	KCH kênh Nước Xen	89a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Liên	
5	Xã Sơn Tinh		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: Tuyến từ ĐH83 - xóm ông Hiệp, thôn Ka Năng	23/QDD-UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Tinh	
	Đ. thôn: BTXM tuyến cầu Xả Ruông đi xóm ông Diêm	21/QĐ-UBND ngày 9/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Tinh	
6	Xã Sơn Long		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. xã: BTXM tuyến từ KDC Ha Tin đi đường Trường Sơn Đông	15a/QĐ-UBND ngày 9/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Long	
	Đ. thôn: BTXM tuyến từ xóm ông Lượm - ông Sinh	16a/QĐ-UBND ngày 9/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Long	
7	Xã Sơn Mùa		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: BTXM tuyến từ Tập đoàn 8 - Mang Vang	16a/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Mùa	
8	Xã Sơn Bua		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: BTXM tuyến Klót đi xóm ông Vây (nổi dài)	16/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Bua	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Tường rào, cống ngõ, BTXM sân nền diêm trường TPDTBT TH&THCS Sơn Bua	54/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Bua	
9	Xã Sơn Tân		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: tuyến 19 hộ KDC I Lách, thôn Tà Dô	19a/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Tân	
	KCH kênh mương xã Sơn Tân	19b/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Tân	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Tường rào cống ngõ trường mầm non Sơn Tân	85a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Sơn Tân	
XII	H. TRÀ BÔNG		
I	Xã Trà Phú		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: BTXM tuyến nhà bà Sự - sông Trà Bồng	2380/QĐ-UBND ngày 30/11/2017	
	Nghĩa trang nhân dân xã	140a/QĐ-UBND ngày 07/11/2018	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Phú Tài	138a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
2	Xã Trà Bình		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. xã: BTXM tuyến QL24C - nhà bà Mai - đường liên thôn, thôn Bình Trung	2365/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	
3	Xã Trà Giang		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. thôn: Tuyến đường nhà ông Thông đi Sinh Nứa	98a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
4	Xã Trà Tân		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Nghĩa trang nhân dân xã	97/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
5	Xã Trà Bùi		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: BTXM tuyến nhà ông Nghệ - Trạm y tế xã	2381/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Quế	3056/QĐ-UBND ngày 27/10/2018	
6	Xã Trà Sơn		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: BTXM tuyến từ tổ 4 thôn Sơn Thành 2 đi đồi Trà Nam	2379/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Đ. thôn: Tuyến Nhà ông Tuấn - nhà ông Trường, thôn Trung 2	98/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	
7	Xã Trà Thủy		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Nhà văn hóa thôn thôn 3	2378/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn 4	115C/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
8	Xã Trà Lâm		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Nhà văn hóa thôn Trà Hoa	419/QĐ-UBND ngày 15/3/2018	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Trà Lạc	91A/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
9	Xã Trà Hiệp		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. thôn: tuyến vào khu tái định cư Tpot-Tket, thôn Cà	2377/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Phòng học, bếp ăn, sân vườn trường Mẫu giáo thôn	106/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	
XIII	H. TÂY TRÀ		
1	Xã Trà Khê		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. xã: Eo Xà lan đi thôn Sơn (nối tiếp)	1310/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	
2	Xã Trà Phong		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ.xã: Tuyến Trà Reo đi Trà Na (đoạn cuối)	1304a/QĐ/UBND ngày 25/10/2017; 936/QĐ-UBND ngày 31/8/2019	
3	Xã Trà Thanh		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Nhà văn hóa thôn Cát	1322a/QĐ/UBND ngày 31/10/2017	
	* Công trình khởi công mới		
	Nhà văn hóa thôn Môn	1350/QĐ/UBND ngày 25/10/2018	
4	Xã Trà Xinh		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Đ.xã: Tuyến cầu suối kem - xóm ông Châu đội 7, thôn Trà Kem	1202a/QĐ/UBND ngày 10/10/2017; 930/QĐ-UBND ngày 29/8/2018	
	* Công trình khởi công mới		
	Nước sinh hoạt suối Lang (Trường THCS xã)	1362/QĐ/UBND ngày 29/10/2019	
5	Xã Trà Trung		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Đ.xã: Tuyến UBND xã Trà Trung - Tổ 4 thôn Xanh	1303b/QĐ/UBND ngày 25/10/2017	
6	Xã Trà Nham		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Đ.xã: Tuyến dốc che đi tổ 1, tổ 2 thôn Trà Cương	1263/QĐ/UBND ngày 20/10/2017	
	* Công trình khởi công mới		
	Đ.thôn: Tuyến Dốc Chè đi tổ 1, tổ 2 thôn Trà Cương (nối tiếp)	935/QĐ/UBND ngày 31/8/2018	
7	Xã Trà Lanh		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Nâng cấp trường Mẫu giáo tổ 1, thôn Trà Lương	1309a/QĐ/UBND ngày 27/10/2017	
8	Xã Trà Thọ		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Đ.thôn: BTXM tuyến thôn Bắc Nguyên đi cầu treo Trà Thọ	1287a/QĐ/UBND ngày 24/10/2017; 1334/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	
	Trạm biển áp TT7 xóm ông Bảy thôn Bắc Nguyên	580/QĐ/UBND ngày 28/6/2017	
	* Công trình khởi công mới		
	Đ.thôn: Tuyến Nhà ông A - Nhà ông Việt.	1338/QĐ/UBND ngày 25/10/2018	
9	Xã Trà Quân		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Đ.xã: tuyến từ tổ 4 - tổ 5, thôn Trà Xuông (giai đoạn 3)	1307a/QĐ/UBND ngày 26/10/2017; 932/QĐ-UBND ngày 30/8/2018	
XIV	H. LÝ SƠN		
1	Xã An Hải		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường thôn	2513/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn	
	Trường THCS An Hải; Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, sân vườn bãi tập	2511/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn	
	Sân vườn, bãi tập Trường Tiểu học An Hải	2510/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn	
2	Xã An Vĩnh		
	* Công trình chuyển tiếp		
	Đ.xã: BTXM tuyến Đồn Biên phòng Lý Sơn - trường THCS An Vĩnh	2514/QĐ-UBND ngày 29/12/201 của UBND huyện Lý Sơn	
	* Công trình khởi công mới		

TT	TIÊU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình	Ghi chú
	Đ. xã: Tuyến Nguyễn Thanh Minh - giáp đường trung tâm huyện	176/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND xã An Vĩnh	
	Đ. xã: Tuyến Lê Văn Châu giáp ngã 3 gần trường THCS An Vĩnh	177/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND xã An Vĩnh	
	KCH kênh mương dẫn nước đồng Rừng Gò - Nghĩa địa kho đạn	178/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND xã An Vĩnh	
	Trường Tiểu học số 2 An Vĩnh: Nhà hiệu bộ	179/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND xã An Vĩnh	
3	Xã An Bình		
	<i>* Công trình chuyển tiếp</i>		
	Đ. Xã: Đường BTXM tuyến Bãi Hang - Điểm cuối Sùng Giếng		
	<i>* Công trình khởi công mới</i>		
	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng	39a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND xã An Bình	

Phụ lục II b

DANH SÁCH DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC ĐẦU TƯ THEO NGHỊ ĐỊNH 161/2016/NĐ-CP
TIÊU DỰ ÁN 1 CÔNG TRÌNH 135 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

(Kể từ ngày 01/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực TK	KC-HT	Quyết định ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019				
					Số QĐ, ngày, tháng năm	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NSTW					NSTW (vốn CT 135)	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
	Tổng cộng					89.951,0	86.698,0	10.190,2	59.680,2	59.680,23	9.938,00		
1	Huyện Ba Tơ					21.529	18.399	667	15.175,00	15.175,00	1.160,00		
	Xã Ba Bích					800	800	-	712	712	-		
1	Đập Suối Lương - tổ Vá Đót - thôn Đồng Vào xã Ba Bích	Ba Bích		2019		800	800		712	712			
	Xã Ba Lễ					1.200	1.073	-	1.073	1.073	-		
2	Nối tiếp BTXM từ UBND xã đi thôn Mang Krúi, xã Ba Lễ	thôn Mang Krúi	L =825m	2019		1.200	1.073		1.073	1.073			
	Xã Ba Xa					2.200	1.440	-	1.440	1.440	-		
3	Nối tiếp tuyến đường thôn Nước Như - Ba Ha - Nước Chạch xã Ba Xa	Ba Xa	L = 1.500m	2019		2.200	1.440		1.440	1.440			
	Xã Ba Đình					1.100	1.000	-	941	941	-		
4	Nối tiếp BTXM đường GTNT tuyến QL24 (km38+850) - Tổ 2 Nước Lãng (Đồng Xa) xã Ba Đình	Thôn Nước Lãng	L=500m	2019		1.100	1.000		941	941			
	Xã Ba Khâm					1.100	1.000	-	911	911	-		
5	Nâng cấp tuyến đường Đồng Rằm – Hồ Sầu giai đoạn 2 xã Ba Khâm	Ba Khâm		2019		1.100	1.000		911	911			
	Xã Ba Tô					1.400	1.400	-	1.389	1.389	-		
6	Nối tiếp BTXM đoạn km44 (QL24) đi vào KDC Làng Tiệt thôn Mang Lũng 2 xã Ba Tô	Thôn Mang Lũng 2	L=750m	2019		1.400	1.400		1.389	1.389			
	Xã Ba Trang					1.100	1.000	-	941	941	-		
7	Đập dâng Làng Leo xã Ba Trang	Ba Trang		2019		1.100	1.000		941	941			
	Xã Ba Ngạc					900	900	-	819	819	-		
8	Nối tiếp và nâng cấp tuyến đường bê tông xi măng thôn Ba Lãng - thôn Krên xã Ba Ngạc	thôn Ba Lãng	L=650m	2019		900	900		819	819			
	Xã Ba Nam					2.300	962	-	962	962	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực TK	KC-HT	Quyết định ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh		Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019					
					Số QĐ, ngày, tháng năm	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
												NSTW (vốn CT 135)	Thanh toán nợ XDCB
9	Đường BTXM từ thôn làng Dút II đi Mang Truong xã Ba Nam	Ba Nam	L =1.400m	2019		2.300	962		962	962			
	Xã Ba Giang					1.020	1.000	-	855	855	-		
10	Nối tiếp BTXM tuyến Nước Lô - Gò Khôn xã Ba Giang	Ba Giang		2019		510	500		500	500			
11	Nâng cấp nối tiếp kênh mương Hro	Ba Giang	400m	2019		510	500		355	355			
	Xã Ba Thành					1.564	1.564	546	717	717	717		
12	Nối tiếp BTXM đường suối Ôn - Ông Xếp	xã Ba Thành		2018	số 1472/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	1.564	1.564	546	717	717	717		
	Xã Ba Vinh					2.200	2.000	-	1.592	1.592	-		
13	KCH Kênh Vã Sương (tại đầu mỗi nhà ông Đại) xã Ba Vinh	Thôn Phấn Vinh	L = 800m	2019		1.100	1.000		1.000	1.000			
14	Kênh Long Đi (Từ đầu mỗi nhà ông Đại)	Thôn Nước Sung	L=750m	2019		1.100	1.000		592	592			
	Xã Ba Động					685	680	121	443	443	443		
15	Sửa chữa, nâng cấp cầu treo Tân Long Trung	xã Ba Động		2018	số 1473/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	685	680	121	443	443	443		
	Xã Ba Chùa					1.100	1.000	-	580	580	-		
16	Trường TH&THCS Ba Chùa; hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, sân vườn xã Ba Chùa	Ba Chùa		2019		1.100	1.000		580	580			
	Xã Ba Tiên					210	200	-	200	200	-		
17	Nối tiếp đường BTXM từ Vã Ka Nóc đi tổ 4 Gò Pa Nu, xã Ba Tiên	Thôn K Rẫy	L=200m	2019		210	200		200	200			
	Thị trấn Ba Tơ					630	600	-	600	600	-		
18	Nâng cấp tuyến đường BTXM từ đường Trương Quang Giao đến xóm ông Phạm Văn Ốt TT Ba Tơ	TDP Kôn Dung	L=160m	2019		210	200		200	200			
19	Nâng cấp nối tiếp BTXM tuyến đường từ đường huyện ĐH.64 đi Hồ Tôn Dung, TT Ba Tơ	TDP Uy Nặng	L=100m	2019		210	200		200	200			
20	Nâng cấp nối tiếp tuyến đường BTXM từ QL 24 – TDP Vã Nhãn, TT Ba Tơ	TDP Vã Nhãn	L=150m	2019		210	200		200	200			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực TK	KC-HT	Quyết định ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh		Lũy kế bổ trí vốn đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019					
					Số QĐ, ngày, tháng năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó, NSTW	NSTW (vốn CT 135)	Thanh toán nợ XDCB
	Xã Ba Vi					1.810	1.580	-	800	800	-		
21	ĐX 60: Nối tiếp đường BTXM trường thôn Nước Rò - Gò Xuyên, xã Ba Vi	thôn Nước Rò	L = 400 m	2019		500	450		200	200			
22	ĐX 70: Đường BTXM Nước Trét - Gò Vành, xã Ba Vi	thôn Gò Vành	L = 350 m	2019		500	450		200	200			
23	Nối tiếp đường BTXM thôn Mang Đen - Mang Cành, xã Ba Vi	thôn Mang Đen	L = 470 m	2019		600	480		200	200			
24	KCH kênh Vả Đen, xã Ba Vi	thôn Nước Y Vang	L = 160 m	2019		210	200		200	200			
	Xã Ba Liên					210	200	-	200	200	-		
25	Nối tiếp BTXM tuyến đường từ thôn Hương Chiêng đi Đốc Ôi, xã Ba Liên	Thôn Hương Chiêng	L = 130m	2019		210	200		200	200			
II	Huyện Minh Long					10.039	10.039	2.786	5.643	5.643	769		
	Xã Thanh An					2.500	2.500	850	1.583	1.583	150		
26	Đường GTNT tuyến Gò Rộc-Phiên Chá	xã Thanh An	875m	2018		1.000	1.000	850	150	150	150		
27	Đường Ấp Gò Bắc (đoạn Ruộng Gò - Hóc Nhiều)	xã Thanh An		2019		1.500	1.500		1.433	1.433			
	Xã Long Mai					2.900	2.900	953	1.302	1.302	147		
28	Kênh mương đập Hóc Trúi	xã Long Mai	1000m	2018		1.100	1.100	953	147	147	147		
29	Đường gián dân tỉnh lộ 624 - Xóm Ông Tiên	xã Long Mai	1200m	2019		1.800	1.800		1.155	1.155			
	Xã Long Sơn					1.445	1.445	-	1.241	1.241	-		
30	Đường từ nhà bà Váy đến hồ Đồng Tre	xã Long Sơn	1000m	2019		1.445	1.445		1.241	1.241			
	Xã Long Môn					1.921	1.921	510	733	733	211		
31	Thông tuyến đường Suối Cà Eo đến TP 13(GĐ2)	xã Long Môn	500m	2018		721	721	510	211	211	211		
32	Đập suối Dầu	xã Long Môn		2019		1.200	1.200		522	522			
	Xã Long Hiệp					1.273	1.273	473	784	784	261		
33	Kiên cố hóa kênh Đập Dài (GĐ 1)	Thôn Hà Bôi	200m	2018		200	200	138	61	61	61		
34	Đường từ Hồ Da - Nước Rét	Thôn Thiệp Xuyên	550m	2018		550	550	335	200	200	200		
35	Kiên cố hóa Kênh Đập Dài (GĐ2)	Xã Long Hiệp	130m	2019		138	138		138	138			
36	Thông tuyến đường vào khu sản xuất Gò Cà Nóc	Xã Long Hiệp	250m	2019		200	200		200	200			
37	Đường từ nhà ông Phô đến đập nước Mương	Xã Long Hiệp	200m	2019		185	185		185	185			
III	Huyện Sơn Hà					18.935	18.935	3.254	10.586	10.586	3.681		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực TK	KC-HT	Quyết định ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019				
					Số QĐ, ngày, tháng năm	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
						NSTW (vốn CT 135)	Thanh toán nợ XDCB						
	Xã Sơn Nham					1.512	1.512	349	956	956	650		
38	Đường BTXM Gai ngoát	Sơn Nham		2018	180/QĐ-UBND 12/2/2018	999	999	349	650	650	650		
39	Đường BTXM Xã Nay Thượng	Sơn Nham		2019		513	513		306	306			
	Xã Sơn Cao					1.737	1.737	569	1.155	1.155	568		
40	Đường Đồng Sạ - Làng Gung (nối tiếp)	Sơn Cao		2018	166/QĐ-UBND ngày 12/02/2018	1.137	1.137	569	568	568	568		
41	Trường TH thôn Làng Gung (01 phòng)	Sơn Cao		2019		600	600		587	587			
	Xã Sơn Linh					3.067	3.067	1.067	1.033	1.033	500		
42	Đường BTXM ông Hùng - đồng Bờ Rầy	Sơn Linh		2018	168/QĐ-UBND ngày 12/02/2018	1.567	1.567	1.067	500	500	500		
43	Đường BTXM Làng Ghè - Hóc Triền (nối tiếp)	Sơn Linh		2019		1.500	1.500		533	533			
	Xã Sơn Bao					2.449	2.449	449	1.109	1.109	643		
44	Đập thủy lợi Nước Sâu II	Sơn Bao		2018	181/QĐ-UBND ngày 12/02/2018	1.092	1.092	449	643	643	643		
45	Đường BTXM xóm Mang KRót	Sơn Bao		2019		1.357	1.357		466	466			
	Xã Sơn Hạ					1.350	1.350	-	1.333	1.333	-		
46	Đường BTXM Nhà ông Cùi- ông Trấp	Thôn Trường Ka, Sơn Hạ		2019		300	300		300	300			
47	Đường BTXM Đồng Cấn- Nhà Đinh Nết	Thôn Đồng Reng, Sơn Hạ		2019		300	300		300	300			
48	Đường BTXM nhà ông Nga- nhà cha Trê	Thôn Đèo Gió, Sơn Hạ		2019		750	750		733	733			
	Xã Sơn Thành					960	960	160	600	600	400		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực TK	KC-HT	Quyết định ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019				
					Số QĐ, ngày, tháng năm	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
						NSTW (vốn CT 135)	Thanh toán nợ XDCB						
49	Đường BTXM nhà ông Nghĩa đi Gò Pử Rầy (nối tiếp)	Thôn Hoãn Vạy, Sơn Thành		2018	179/QĐ-UBND ngày 12/02/2018	280	280	80	200	200	200		
50	Đường BTXM Xã Trạch - Làng Vệt	Thôn Làng Vệt, Sơn Thành		2018	178/QĐ-UBND ngày 12/02/2018	280	280	80	200	200	200		
51	Đường BTXM ruộng viên - Gò Lũy (Nối tiếp)	Thôn Hà Thành, Sơn Thành		2019		400	400		200	200			
	Xã Sơn Giang					1.200	1.200	200	600	600	200		
52	Bê tông hóa nối tiếp đường Gò Xếp thôn Làng Rê	Thôn Làng Rê, Sơn Giang		2018		400	400	200	200	200	200		
53	Nâng cấp tuyến đường Gò Ngang (từ ông Đình Cu - Đình Mai)	Thôn Tà Đình, Sơn Giang		2019		400	400		200	200			
54	Mở mới tuyến đường (từ nhà ông Đình Dẻo - Ka Nhù)	Thôn Làng Lùng, Sơn Giang		2019		400	400		200	200			
	Xã Sơn Hải					1.600	1.600	-	800	800	-		
55	Đường BTXM từ nhà ông Trần Văn Thường - Cổng nhà ông Đình Văn Lệnh (nối tiếp)	Thôn Gò Sim, Sơn Hải		2019		400	400		200	200			
56	Đường BTXM từ nhà ông Đình Văn Tâm - nhà ông Đình Văn Vát	Thôn Làng Tráng, Sơn Hải		2019		400	400		200	200			
57	Đường BTXM thôn Tà Mát - Làng Ru (Nối tiếp)	Thôn Tà Mát, Sơn Hải		2019		400	400		200	200			
58	Đường BTXM Làng Lành - Làng Hề	Thôn Làng Lành, Sơn Hải		2019		400	400		200	200			
	Xã Sơn Thủy					800	800	-	400	400			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực TK	KC-HT	Quyết định ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh		Lấy kế bổ trí vốn đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019					
					Số QĐ, ngày, tháng năm	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó, NSTW	NSTW (vốn CT 135)	Thanh toán nợ XDCB
59	Nối tiếp Đường Sơn Cao - Sơn Kỳ đến xóm ông Tốp	Thôn Tà Bi,Xã Sơn Thủy		2019		400	400		200	200			
60	Đập Suối Kà Rắt	Thôn Giá gỏi, Xã Sơn Thủy		2019		400	400		200	200			
	Xã Sơn Kỳ					1.600	1.600	-	800	800	-		
61	Bê tông XM đường giao thông nông thôn thôn Mô Níc (Nối tiếp)	Thôn Mô Níc		2019		400	400		200	200			
62	Tường rào, cổng ngõ, nhà vệ sinh và BTXM đường vào nhà SHCB	xã Sơn Kỳ		2019		400	400		200	200			
63	Xây dựng 02 phòng học điểm trường Rò Ma	Thôn Bồ Nung, Sơn Kỳ		2019		400	400		200	200			
64	Nhà công vụ cho giáo viên Trường TH thôn Tà Bắc	Thôn Tà BắcSơn Kỳ		2019		400	400		200	200			
	Xã Sơn Ba					600	600	-	600	600	-		
65	Đường BTXM thôn Làng Già	Thôn Làng GiàSơn Ba		2019		200	200		200	200			
66	Đường BTXM thôn Làng Già-Làng Chai (nối tiếp)	Thôn Làng ChaiSơn Ba		2019		200	200		200	200			
67	Cấp phối đoạn đường từ Gò Da - Mô O (nối tiếp)	Thôn Gò DaSơn Ba		2019		200	200		200	200			
	Thị trấn Di Lăng					1.060	1.060	260	600	600	520		
68	Đường BTXM vào xóm ông Đình Văn Thay - TDP Nước Nía	TDP Nước Nía		2018		200	200	80	120	120	120		
69	Đường BTXM vào nhà Ông Bôn (GD II)	Di Lăng		2018	170/QĐ-UBND 12/2/2018	300	300	100	200	200	200		
70	Đường BTXM vào KDC Nước Nía (nối tiếp)	Di Lăng		2018		280	280	80	200	200	200		
71	Đường BTXM vào KDC Đồi Gu	Di Lăng		2019		280	280		80	80			
	Xã Sơn Thượng					200	200	-	200	200	-		
72	Đường BTXM ngã ba Bờ Reo đi ngã ba xóm ông Méo (nối tiếp)	Thôn Bờ Reo Sơn Thượng		2019		200	200		200	200			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực TK	KC-HT	Quyết định ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh		Lũy kế bổ trí vốn đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019				
					Số QĐ, ngày, tháng năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	NSTW (vốn CT 135)	Thanh toán nợ XDCB	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó, NSTW
	Xã Sơn Trung					800	800	200	400	400	200	
73	Nước sinh hoạt xóm Gò Nữ	Thôn Gò Rộc xã Sơn Trung		2018		400	400	200	200	200	200	
74	Tường rào Nhà văn hóa thôn Làng Lòn	Thôn Làng Lòn Sơn Trung		2019		400	400		200	200		
IV	Huyện Sơn Tây					16.347	16.347	3.000	8.373	8.373	3.524	
	Xã Sơn Tân					2.157	2.157	165	1.190	1.190	802	
75	Xây dựng mới Đường dân sinh từ nhà ông Ghen đến nước Mốc, thôn Ra Nhua	xã Sơn Tân		2018-2019		967	967	165	802	802	802	
76	Đường Khu dân cư Đắc Leo, thôn Đắc Ròng	xã Sơn Tân	750 m	2019-2020		1.190	1.190		388	388		
	Xã Sơn Long					1.981	1.981	290	1.091	1.091	491	
77	Đường Điện 0,4KV đến Khu dân cư Hạ Ro	xã Sơn Long				781	781	290	491	491	491	
78	Đường Măng Lãng - Nước Đóp (giai đoạn 1)	xã Sơn Long	4 km	2019		1.200	1.200		600	600		
	Xã Sơn Liên					1.824	1.824	-	809	809	-	
79	Xây dựng sân vận động xã Sơn Liên	xã Sơn Liên	4000m2	2019-2020		1.824	1.824		809	809		
	Xã Sơn Dung					2.017	2.017	871	946	946	146	
80	Đường điện 0,4KV khu Đắc Xút, thôn Gò Lã	xã Sơn Dung		2018		1.017	1.017	871	146	146	146	
81	Đường BTXM KDC Ra Lung	xã Sơn Dung	1 km	2019		1.000	1.000		800	800		
	Xã Sơn Màu					900	900	-	700	700	-	
82	Nước sinh hoạt khu dân cư Tà Vành, thôn Đắc Pao	Xã Sơn Màu	Cấp nước cho 50 hộ dân	2019		900	900		700	700		
	Xã Sơn Bua					2.141	2.141	791	804	804	559	
83	Đường BTXM xóm ông Dừa đi Mang Rìn	xã Sơn Bua		2018		1.350	1.350	791	559	559	559	
84	Đường xã BTXM tuyến UBND xã đi KDC Nước Toa, thôn Mang He (giai đoạn 1)	xã Sơn Bua	1km	2019		791	791		245	245		
	Xã Sơn Lập					2.390	2.390	390	829	829	626	
85	Đường xóm ông Nờ - Khu sản xuất Tà Vây, thôn Mang Rế	xã Sơn Lập		2018		1.016	1.016	390	626	626	626	
86	Xây dựng sân vận động xã Sơn Lập	xã Sơn Lập	4000 m2	2019-2020		1.374	1.374		203	203		
	Xã Sơn Tinh					1.500	1.500	-	1.104	1.104		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực TK	KC-HT	Quyết định ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh			Lũy kế bổ trí vốn đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019				
					Số QĐ, ngày, tháng năm	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
												NSTW (vốn CT 135)	Thanh toán nợ XD/CB
87	Nâng cấp đường cầu Ka Năng - Thác Lụa, thôn Bà He	xã Sơn Tinh	1500m	2019			800	800		404	404		
88	Xây dựng Trường Tiểu học thôn Xà Ruông	xã Sơn Tinh	150 m2	2019			700	700		700	700		
	Xã Sơn Mùa						1.437	1.437	493	900	900	900	
89	Đường Tu Ka Nhỏ - Tập đoàn 17; Hạng mục: thông tuyến	xã Sơn Mùa	3km	2018			1.437	1.437	493	900	900	900	
V	Huyện Tây Trà						10.350	10.350	-	8.689	8.689	-	
	Xã Trà Phong						1.400	1.400	-	1.384	1.384	-	
90	Nước sinh hoạt đội 1, Trà Nga	Thôn Trà Nga, xã Trà Phong	50 hộ	2019			1.400	1.400		1.384	1.384		
	Xã Trà Thọ						1.050	1.050	-	1.018	1.018	-	
91	Nước sinh hoạt tổ 2 thôn Nước Biếc	Thôn Nước Biếc, xã Trà Thọ		2019			1.050	1.050		1.018	1.018		
	Xã Trà Xinh						1.900	1.900	-	931	931	-	
92	BTXM tuyến đường khu tái định cư Núi Vác 1	xã Trà Xinh	500m	2019			1.900	1.900		931	931		
	Xã Trà Quân						1.000	1.000	-	829	829	-	
93	Đường từ tổ 7 đến tổ 8 thôn Trà Ong (nối tiếp)	Thôn Trà Ong, xã Trà Quân	1,5km	2019			1.000	1.000		829	829		
	Xã Trà Khê						1.000	1.000	-	829	829	-	
94	Nước sinh hoạt tổ 4 thôn Hà	Thôn Hà, xã Trà Khê		2019			1.000	1.000		829	829		
	Xã Trà Thanh						1.000	1.000	-	900	900	-	
95	Tuyến đường BTXM tổ 2 thôn Môn	Xã Trà Thanh					1.000	1.000		900	900		
	Xã Trà Lãnh						1.000	1.000	-	987	987	-	
96	Nước sinh hoạt tổ 3 thôn Trà Linh	Thôn Trà Linh, xã Trà Lãnh		2019			1.000	1.000		987	987		
	Xã Trà Nham						1.000	1.000	-	911	911	-	
97	Mở tuyến nương suối Tà Oát	xã Trà Nham		2019			1.000	1.000		911	911		
	Xã Trà Trung						1.000	1.000	-	900	900	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực TK	KC-HT	Quyết định ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh			Lũy kế bổ trí vốn đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019				
					Số QĐ, ngày, tháng năm	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
												NSTW (vốn CT 135)	Thanh toán nợ XDCB
98	BTXM tổ 7, 8 thôn Vàng nối tiếp đi nhà ông Hồ Văn Xanh	Xã Trà Trung	500m	2019			1.000	1.000		900	900		
VI	Huyện Trà Bồng						10.283	10.263	483	8.849	8.849	804	
	Xã Trà Giang						1.483	1.463	483	804	804	804	
99	Đường cây Ké đi Sông Ong	xã Trà Giang		2018			1.483	1.463	483	804	804	804	
	Xã Trà Lâm						1.050	1.050	-	1.018	1.018	-	
100	Nối tiếp đường BTXM từ TL 622b đi tổ 1,2,3 thôn Trà Lạc	xã Trà Lâm		2019			1.050	1.050	-	1.018	1.018	-	
	Xã Trà Thủy						1.250	1.250	-	1.236	1.236	-	
101	Nâng cấp đường từ thôn 5 đi tổ 2, tổ 3 thôn 1	xã Trà Thủy		2019			1.250	1.250	-	1.236	1.236	-	
	Xã Trà Sơn						2.000	2.000	-	1.720	1.720	-	
102	Nối tiếp đường BTXM từ TL 622 tổ 1 Sơn Bàn đi tổ 2 Sơn Bàn	xã Trà Sơn		2019			1.000	1.000		720	720		
103	Nhà Văn hóa thôn Sơn Bàn	xã Trà Sơn	S=247m2	2019			1.000	1.000		1.000	1.000		
	Xã Trà Tân						1.100	1.100	-	1.079	1.079	-	
104	Nối tiếp tuyến đường Tổ 19 đi suối Loa	xã Trà Tân		2019			1.100	1.100	-	1.079	1.079	-	
	Xã Trà Bùi						1.000	1.000	-	1.000	1.000	-	
105	Nối tiếp tuyến đường thôn Gò xã Trà Bùi đi Đông Hòa xã Tịnh Giang	Xã Trà Bùi	569,48m	2019			1.000	1.000		1.000	1.000		
	Xã Trà Hiệp						1.000	1.000	-	936	936	-	
106	Mở rộng đường dân sinh tổ 2, tổ 4 thôn Cưa	xã Trà Hiệp		2019			1.000	1.000		936	936		
	Xã Trà Phú						1.000	1.000	-	656	656	-	
107	Tuyến đường từ nhà Bà Thành đi cầu Bồng Bộc	xã Trà Phú		2019			1.000	1.000		656	656		
	Thị trấn Trà Xuân						200	200	-	200	200	-	
108	Bê tông xi măng GTNT Gò Bàu (nối tiếp)	TT Trà Xuân	150m	2019			200	200		200	200		
	Xã Trà Bình						200	200	-	200	200	-	
109	Tuyến đường khu dân cư 11 đi Ruộng Dinh	Thôn Bình Trung xã Trà Bình		2019			200	200		200	200		
VII	Huyện Tư Nghĩa						1.068	965	-	965	965	-	
	Xã Nghĩa Thọ						1.068	965	-	965	965	-	
110	Tuyến đường từ ruộng Phạm Huỳnh đến ruộng Phạm Bùa	xã Nghĩa Thọ		2019			385	335		385	335		
111	Kênh bê tông cốt thép đường ông Hóc Xoài đến Hóc Thê 2	xã Nghĩa Thọ		2019			683	630		683	630		
VIII	Huyện Bình Sơn						200	200	-	200	200		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực TK	KC-HT	Quyết định ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh		Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019			
					Số QĐ, ngày, tháng năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó, NSTW	NSTW (vốn CT 135)	Thanh toán nợ XD/CB
	Xã Bình An					200	200		200		-
112	Đường BTXM từ nhà ông Huỳnh Đồng đi xóm Nam, thôn Thọ An	xã Bình An	250m	2019		200	200		200	200	
IX	Huyện Sơn Tịnh					400	400	-	400	400	-
	Xã Tịnh Đông					400	400	-	400	400	-
113	Đường ngõ xóm tuyến: ngõ ông Hồ Ngọc Công-ngõ bà Định	Thôn Tân An, Tịnh Đông				200	200		200	200	
114	Đường trục thôn tuyến: Đường BTXM - Ngõ bà Võ Thị Hoành	Xã Tịnh Đông	140m	2019		200	200		200	200	
VII	Huyện Nghĩa Hành					800	800	0	800	800	0
	Xã Hành Tín Đông					400	400	0	400	400	
115	BTXM kênh mương Đồng Tổng Vại	Xã Hành Tín Đông	200m	2019		200	200		200	200	
116	Nâng cấp, nạo vét lòng hồ Đập Rộc Lát	Xã Hành Tín Đông	S=500m2	2019		200	200		200	200	
	Xã Hành Tín Tây					400	400	0	400	400	0
117	Nâng cấp kênh mương Đập Hồ Dầu- Hóc Ong Quyền	Xã Hành Tín Tây	200m	2019		200	200		200	200	
118	Bê tông kênh mương Đập Hóc Bắc, xóm Gò Thông	Xã Hành Tín Tây	210m	2019		200	200		200	200	

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
MÔ HÌNH XÂY DỰNG NTM NĂM 2019, TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Báo cáo số 20 /BC-UBND ngày 07 /02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện (xã)	Số Quyết định phê duyệt dự án
I	Huyện Bình Sơn		
1	Dự án liên kết chăn nuôi phát triển mô hình nuôi bò cái lai sinh sản gắn với tiêu thụ sản phẩm	Bình Long	3389/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Bình Sơn
2	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò cái lai sinh sản	Bình Phước	3390/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Bình Sơn
3	Dự án liên kết chăn nuôi phát triển mô hình nuôi bò cái lai sinh sản gắn với tiêu thụ sản phẩm	Bình Hòa	3391/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Bình Sơn
4	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò cái lai sinh sản	Bình Khương	3392/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Bình Sơn
5	Dự án liên kết chăn nuôi phát triển mô hình nuôi bò cái lai sinh sản gắn với tiêu thụ sản phẩm	Bình Mỹ	3393/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Bình Sơn
6	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò cái lai sinh sản	Bình Thanh	3394/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Bình Sơn
7	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm nuôi tôm thẻ chân trắng theo hướng công nghiệp	Bình Dương	3395/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Bình Sơn
8	Dự án liên kết chăn nuôi phát triển mô hình nuôi bò cái lai sinh sản gắn với tiêu thụ sản phẩm	Bình Hiệp	3413/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
9	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò cái lai sinh sản	Bình An	3414/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
10	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò cái lai sinh sản	Bình Chánh	3415/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
11	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò cái lai sinh sản	Bình Thạnh	3422/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
12	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò cái lai sinh sản	Bình Thuận	2423/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
13	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò cái lai sinh sản	Bình Minh	3424/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
14	Dự án liên kết chăn nuôi phát triển mô hình nuôi bò cái lai sinh sản gắn với tiêu thụ sản phẩm	Bình Tân	3425/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
15	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gà thả vườn	Bình Tân	3426/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
16	Liên kết chăn nuôi phát triển mô hình nuôi bò cái lai sinh sản gắn với tiêu thụ sản phẩm	Bình Phú	3427/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
17	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò cái lai sinh sản	Bình Trung	3428/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
18	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng măng tây	Bình Trung	3473/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
19	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây chanh thom	Bình Thanh	3474/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
20	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm trồng keo nuôi cấy mô	Bình Thanh	3475/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
21	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm dưa lưới	Bình Tân	3476/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện (xã)	Số Quyết định phê duyệt dự án
22	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trâu cái sinh sản	Bình Châu	3477/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
23	Dự án liên kết chế biến, tiêu thụ, tạo thương hiệu nước mắm Bình Đông	Bình Đông	3478/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
24	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm trồng rau an toàn	Bình Châu	3479/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
25	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò thương phẩm	Bình Chương	3615/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
26	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò thương phẩm	Bình Hải	3616/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
27	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò thương phẩm	Bình Trị	3617/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
28	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò thương phẩm	Bình Nguyên	3618/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
29	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò thương phẩm	Bình Thới	3619/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND huyện Bình Sơn
II Huyện Sơn Tịnh			
1	Dự án liên kết chăn nuôi thâm canh bò cái lai sinh sản và bê lai chất lượng cao xã Tịnh Giang	Tịnh Giang	4388/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Sơn Tịnh
2	Dự án liên kết chăn nuôi thâm canh bò cái lai sinh sản và bê lai chất lượng cao xã Tịnh Đông	Tịnh Đông	4387/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Sơn Tịnh
3	Dự án liên kết chăn nuôi thâm canh bò cái lai sinh sản và bê lai chất lượng cao xã Tịnh Minh	Tịnh Minh	4696/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Sơn Tịnh
4	Dự án liên kết chăn nuôi thâm canh bò cái lai sinh sản và bê lai chất lượng cao tại xã Tịnh Bình	Tịnh Bình	4687/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND huyện Sơn Tịnh
5	Dự án liên kết chăn nuôi thâm canh bò cái lai sinh sản và bê lai chất lượng cao tại xã Tịnh Bắc	Tịnh Bắc	4686/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND huyện Sơn Tịnh
6	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gà ta hướng thịt an toàn sinh học xã Tịnh Hà	Tịnh Hà	4736/QĐ-UBND ngày 13/12/2020 của UBND huyện Sơn Tịnh
7	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi vỗ béo các giống bò thịt xã Tịnh Hà	Tịnh Hà	4732/QĐ-UBND ngày 12/12/2020 của UBND huyện Sơn Tịnh
8	Dự án liên kết nuôi cá lồng trên sông Trà Khúc xã Tịnh Sơn	Tịnh Sơn	4735/QĐ-UBND ngày 13/12/2020 của UBND huyện Sơn Tịnh
9	Dự án liên kết chăn nuôi gà đồi xã Tịnh Phong	Tịnh Phong	4733/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND huyện Sơn Tịnh
10	Dự án liên kết chăn nuôi gà thả vườn xã Tịnh Bình	Tịnh Bình	4734/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND huyện Sơn Tịnh
11	Dự án liên kết chăn nuôi thâm canh bò cái lai sinh sản và bê lai chất lượng cao xã Tịnh Hiệp	Tịnh Hiệp	4669/QĐ-UBND ngày 05/12/2021 của UBND huyện Sơn Tịnh
12	Dự án liên kết tổ chức sản xuất lúa giống xã Tịnh Minh	Tịnh Minh	4671/QĐ-UBND ngày 6/12/2019 của UBND huyện Sơn Tịnh
13	Dự án liên kết tổ chức sản xuất lúa giống xã Tịnh Sơn	Tịnh Sơn	4670/QĐ-UBND ngày 6/12/2019 của UBND huyện Sơn Tịnh
14	Dự án liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm khoai lang Nhật	Tịnh Thọ	4692/QĐ-UBND ngày 9/12/2019 của UBND huyện Sơn Tịnh
15	Dự án xây dựng liên kết sản phẩm dầu phụng	Tịnh Trà	4698/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Sơn Tịnh

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện (xã)	Số Quyết định phê duyệt dự án
16	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ các sản phẩm cây ăn quả (mít thái và măng cầu thái) xã Tịnh Thọ	Tịnh Thọ	4758/QĐ-UBND ngày 14/12/2019 của UBND huyện Sơn Tịnh
III Thành Phố Quảng Ngãi			
1	Nâng cấp, mở rộng dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm sản xuất rau an toàn	Nghĩa Hà	9257/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND TP
2	Nâng cấp, mở rộng dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gà thả vườn	Nghĩa Phú	số 9495/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND TP
3	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chế biến nước mắm	Nghĩa An	số 9492/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND TP
4	Nâng cấp, mở rộng dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gà thả vườn an toàn sinh học	Tịnh Ấn Tây	số 9544/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND TP
5	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn	Tịnh Ấn Đông	QĐ số 10808/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND TP
6	Nâng cấp, mở rộng dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gà thả vườn		số 9530/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND TP
7	Nâng cấp, mở rộng dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm trồng cây rau diếp cá	Tịnh Châu	số 9545/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND TP
8	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò sinh sản	Tịnh Thiện	số 9542/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND TP
9	Nâng cấp, mở rộng dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gà thả đồi, thả vườn		số 9543/QĐ-UBND ngày 27/12/2019
10	Nâng cấp, mở rộng Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi thâm canh bò lai sinh sản và bò thịt chất lượng cao	Tịnh An	số 9494/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND TP
11	Nâng cấp, mở rộng Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm sản xuất rau an toàn	Tịnh Long	QĐ số 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND TP
12	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt chất lượng cao	Tịnh Hòa	số 9490/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND TP
13	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm trồng dưa xiêm lùn da xanh	Tịnh Khê	QĐ số 8342/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND TP
14	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi dê Bách Thảo		số 9491/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND TP
15	Nâng cấp, mở rộng Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chế biến thủy hải sản	Tịnh Kỳ	số 9493/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND TP
III Huyện Tư Nghĩa			
1	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Bò	Nghĩa Điền	10666/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
2	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Gà	Nghĩa Điền	10654/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
3	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Bò	Nghĩa Kỳ	10669/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
4	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Bò	Nghĩa Lâm	10656/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
5	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Bò	Nghĩa Mỹ	10933/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
6	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Bò	Nghĩa Phương	10671/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện (xã)	Số Quyết định phê duyệt dự án
7	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Dê	Nghĩa Sơn	10934/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
8	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Gà	Nghĩa Sơn	10932/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
9	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Trâu	Nghĩa Thọ	10323/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
10	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Bò	Nghĩa Thuận	10653/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
11	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Bò	Nghĩa Thương	10655/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
12	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Bò	Nghĩa Trung	10670/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
13	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ các sản phẩm Bò	Nghĩa Thắng	11379/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
14	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống	Nghĩa Hiệp	10663/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
15	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả (Mít, bưởi)	Nghĩa Hiệp	10664/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
16	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả (dừa)	Nghĩa Hoà	10137/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa
IV Huyện Nghĩa Hành			
1	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi bò sinh sản phối tinh BBB xã Hành Trung	Hành Trung	636/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện
2	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi bò thịt chất lượng cao	Hành Tín Tây	625/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện
3	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi bò sinh sản phối tinh BBB xã Hành Thịnh	Hành Thịnh	624/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện
4	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng cây ăn quả (mít thái) xã Hành Dũng	Hành Dũng	637/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện
5	Hỗ trợ, củng cố chuỗi dự án trồng cây ăn quả năm 2018 thuộc chương trình NTM năm 2019	Hành Dũng	294/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện
6	cây ăn quả (bưởi da xanh, mít thái, sầu riêng) xã Hành Tín Đông	Hành Tín Đông	645/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện
7	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng cây ăn quả (Bưởi da xanh, Mít thái, Sầu riêng, chôm chôm) xã Hành Nhân	Hành Nhân	654/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện
8	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng cây măng tây xã Hành Phước	Hành Phước	651/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện
9	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng dâu nuôi tằm xã Hành Nhân	Hành Nhân	653/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện
10	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi bò cái lai sinh sản phối giống BBB tạo con lai nuôi thương phẩm xã Hành Thiện	Hành Thiện	667/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện
11	Dự án liên kết chuỗi giá trị nuôi bò sinh sản chất lượng cao xã Hành Minh	Hành Minh	699/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND huyện
12	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng cây ăn quả xã Hành Đức	Hành Đức	693/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND huyện

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện (xã)	Số Quyết định phê duyệt dự án
13	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng cây ăn quả xã Hành Thuận	Hành Thuận	652/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện
14	Hỗ trợ củng cố dự án PTSX năm 2018	Hành Thuận	299/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện
V	Huyện Mộ Đức		
1	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ nước mắm	Đức Lợi	5381/QĐ-UBND, ngày 13/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
2	Dự án chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	Đức Lợi	5383/QĐ-UBND, ngày 13/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
3	Dự án chuỗi giá trị trong sản xuất nấm ăn (nấm rom, nấm sò)	Đức Nhuận	5372/QĐ-UBND, ngày 11/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
4	Dự án chuỗi giá trị nuôi bò sinh sản chất lượng cao	Đức Phong	5583/QĐ-UBND, ngày 04/12/2019 của UBND huyện Mộ Đức
5	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng măng tây	Đức Phong	5412/QĐ-UBND, ngày 18/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
6	Dự án chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm thỏ	Đức Tân	5577/QĐ-UBND, ngày 02/12/2019 của UBND huyện Mộ Đức
7	Dự án chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gà thả vườn an toàn sinh học	Đức Tân	5371/QĐ-UBND, ngày 11/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
8	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa giống	Đức Tân	5382/QĐ-UBND, ngày 13/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
9	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa giống	Đức Hòa	5384/QĐ-UBND, ngày 13/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
10	Dự án chuỗi giá trị trồng cây ăn quả (mít thái, xoài)	Đức Hòa	5510/QĐ-UBND, ngày 25/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
11	Dự án chuỗi giá trị chăn nuôi gà thả vườn an toàn sinh học	Đức Lân	5356/QĐ-UBND, ngày 06/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
12	Dự án chuỗi giá trị chăn nuôi gà lấy trứng an toàn sinh học	Đức Lân	5352/QĐ-UBND, ngày 06/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
13	Dự án chuỗi giá trị trồng sen kết hợp nuôi cá	Đức Lân	5353/QĐ-UBND, ngày 06/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
14	Dự án chuỗi giá trị nuôi bò sinh sản chất lượng cao	Đức Phú	5511/QĐ-UBND, ngày 25/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
15	Dự án chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm dê Bách Thảo	Đức Chánh	5520/QĐ-UBND, ngày 27/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
16	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng măng tây	Đức Thắng	5411/QĐ-UBND, ngày 18/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
17	Dự án chuỗi giá trị chăn nuôi gà an toàn sinh học trong rừng dương	Đức Thắng	5354/QĐ-UBND, ngày 06/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
18	Dự án chuỗi giá trị chăn nuôi gà thả vườn an toàn sinh học	Đức Thạnh	5355/QĐ-UBND, ngày 06/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
19	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng măng tây	Đức Thạnh	5413/QĐ-UBND, ngày 18/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
20	Dự án chuỗi giá trị nuôi bò sinh sản chất lượng cao	Đức Thạnh	5585/QĐ-UBND, ngày 04/12/2019 của UBND huyện Mộ Đức
21	Dự án chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng dâu nuôi tằm và sản phẩm dưới tán dâu (đậu phộng)	Đức Hiệp	5447/QĐ-UBND, ngày 20/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện (xã)	Số Quyết định phê duyệt dự án
22	Dự án chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm dê	Đức Hiệp	5582/QĐ-UBND, ngày 4/12/2019 của UBND huyện Mộ Đức
23	Dự án chuỗi giá trị nuôi bò sinh sản chất lượng cao	Đức Minh	5578/QĐ-UBND, ngày 02/12/2019 của UBND huyện Mộ Đức
24	Dự án chuỗi giá trị chăn nuôi gà an toàn sinh học trong rừng phi lao ven biển	Đức Minh	5446/QĐ-UBND, ngày 20/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
25	Dự án chuỗi liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây đậu phụng (lạc)	Đức Minh	5445/QĐ-UBND, ngày 20/11/2019 của UBND huyện Mộ Đức
VI	Huyện Đức Phổ		
1	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò cái lai sinh sản	Phổ Thuận	5541/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
2	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò cái lai sinh sản	Phổ Minh	5542/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
3	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò 3B	Phổ Ninh	5543/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
4	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò cái lai sinh sản	Phổ Cường	5544/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
5	Dự án liên kết chăn nuôi gắn với tiêu thụ sản phẩm từ nuôi bò cái lai Zebu phối tinh bò siêu thịt 3B	Phổ Văn	5545/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
6	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nếp ngự	Phổ Châu	5546/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
7	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò cái lai sinh sản	Phổ Hòa	5547/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
8	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò cái lai sinh sản	Phổ Khánh	5548/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
9	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm dê Bách Thảo	Phổ Châu	5549/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
10	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò cái lai sinh sản	Phổ Châu	5550/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
11	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gà thả vườn	Phổ Quang	5551/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
12	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lạc	Phổ Quang	5552/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
13	Dự án liên kết sản xuất chăn nuôi và tiêu thụ bò cái lai sinh sản	Phổ An	5553/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đức Phổ
14	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò vỗ béo	Phổ Thạnh	5915/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Đức Phổ
15	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò vỗ béo	Phổ Vinh	5916/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Đức Phổ
16	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò vỗ béo	Phổ Nhơn	5917/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Đức Phổ
17	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò vỗ béo	Phổ Phong	5918/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Đức Phổ
VII	Huyện Trà Bồng		
1	Dự án Liên kết chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản, tiêu thụ bê lai hướng thịt cao sản xã Trà Phú	Trà Phú	3088/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Trà Bồng
2	Dự án Liên kết chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản, tiêu thụ bê lai hướng thịt cao sản xã Trà Sơn	Trà Sơn	3140/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND huyện Trà Bồng

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện (xã)	Số Quyết định phê duyệt dự án
3	Dự án Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà thả vườn, Gà đồi xã Trà Thủy.	Trà Thủy	3085/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Trà Bồng
4	Liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm bò cái vàng địa phương xã Trà Lâm	Trà Lâm	3141/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND huyện Trà Bồng
5	Dự án Liên kết chăn nuôi tiêu thụ sản phẩm Trâu sinh sản và Trâu thịt xã Trà Giang	Trà Giang	3142/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND huyện Trà Bồng
6	Dự án Liên kết chăn nuôi tiêu thụ sản phẩm trâu sinh sản và trâu thịt xã Trà Tân	Trà Tân	3139/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND huyện Trà Bồng
7	Dự án Liên kết chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản, tiêu thụ bê lai hướng thịt cao sản xã Trà Bui	Xã Trà Bui	3086/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Trà Bồng
8	Dự án Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Cau xã Trà Hiệp	Trà Hiệp	3087/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Trà Bồng
Huyện Minh Long			
1	Dự án liên kết trong chăn nuôi trâu cái sinh sản và tiêu thụ sản phẩm	Thanh An	1593 ngày 17/12/2019 của UBND huyện Minh Long
2	Dự án liên kết sản xuất trong trồng trọt và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả (Mít thái, Bưởi da xanh, dứa xiêm lùn)	Thanh An	1608 ngày 20/12/2019 của UBND huyện Minh Long
3	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trâu lấy thịt	Long Hiệp	1600 ngày 17/12/2019 của UBND huyện Minh Long
4	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò lấy thịt	Long Hiệp	1601 ngày 17/12/2019 của UBND huyện Minh Long
5	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trâu lấy thịt	Long Sơn	1609 ngày 20/12/2019 của UBND huyện Minh Long
6	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò lấy thịt	Long Sơn	1610 ngày 20/12/2019 của UBND huyện Minh Long
7	Dự án liên kết sản xuất trong trồng trọt và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả bưởi da xanh	Long Môn	1612 ngày 20/12/2019 của UBND huyện Minh Long
8	Dự án liên kết trong chăn nuôi Bò lai zebu sinh sản và tiêu thụ sản phẩm	Long Môn	1611 ngày 20/12/2019 của UBND huyện Minh Long
9	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bò lấy thịt	Long Mai	1599 ngày 17/12/2019 của UBND huyện Minh Long
Huyện Ba Tơ			
1	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng cây cau địa phương (hàng niên) xã Ba Trang	Ba Trang	3123/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
2	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi trâu địa phương xã Ba Khâm	Ba Khâm	3124/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
3	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà thả vườn xã Ba Chùa	Ba Chùa	3125/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
4	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà thả vườn xã Ba Cung	Ba Cung	3126/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
5	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà Re (gà H're) thả vườn xã Ba Cung	Ba Cung	3134/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
6	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà thả vườn xã Ba Dinh	Ba Dinh	3127/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện (xã)	Số Quyết định phê duyệt dự án
7	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà thả vườn xã Ba Thành	Ba Thành	3128/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
8	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà thả vườn xã Ba Tô	Ba Tô	3129/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
9	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà thả vườn xã Ba Xa	Ba Xa	3130/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
10	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà thả vườn xã Ba Bích	Ba Bích	3131/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
11	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà thả vườn xã Ba Giang	Ba Giang	3132/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
12	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà Re (gà H're) thả vườn xã Ba Điền	Ba Điền	3133/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
13	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trâu cái nội xã Ba Điền	Ba Điền	3143/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện Ba Tơ
14	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà Re (gà H're) thả vườn xã Ba Vinh	Ba Vinh	3135/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
15	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà thả vườn xã Ba Lễ	Ba Lễ	3136/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Ba Tơ
16	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng cây cau địa phương (hàng niên) xã Ba Lễ	Ba Lễ	3145/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện Ba Tơ
17	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi trâu địa phương xã Ba Nam	Ba Nam	3142/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện Ba Tơ
18	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng cây cau địa phương (hàng niên) xã Ba Ngạc	Ba Ngạc	3144/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện Ba Tơ
19	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng cây cau địa phương (hàng niên) xã Ba Tiêu	Ba Tiêu	3146/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện Ba Tơ
20	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng chuối móc Đồng Nai xã Ba Tiêu	Ba Tiêu	3147/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện Ba Tơ
21	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng chuối móc Đồng Nai xã Ba Vĩ	Ba Vĩ	3148/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện Ba Tơ
22	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi cá nước ngọt xã Ba Liên	Ba Liên	3149/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện Ba Tơ
23	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò BBB xã Ba Động	Ba Động	3150/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện Ba Tơ
Huyện Sơn Hà			
1	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm dê bản địa thương phẩm	thôn Gò Chu, Hà Thành, Gò Rinh, Gò Gạo	2450/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
2	Dự án củng cố, nâng cấp liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gà kiến	thôn Gò Chu, Hà Thành, Gò Rinh, Gò Gạo	2393/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện (xã)	Số Quyết định phê duyệt dự án
3	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm bò lấy thịt xã Sơn Hạ	Hà Bắc, Trường Khay, Đèo Gió	2544/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
4	dự án củng cố, nâng cấp liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gà kiến (gà thịt)	Đèo Ron, Hà Bắc, Trường Khay, Trường Ka, Kà Tu, Đèo Gió, Đồng Rong	số 2451/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
5	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm Gà kiến	Thôn Cạn Sơn, Chàm Rao	số 2397/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
6	dự án củng cố, nâng cấp liên kết, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cá nước ngọt	Tại lòng hồ Thạch Nham thôn Canh Mo	số 2542/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
7	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm dê bản địa thương phẩm (dê thịt) xã Sơn Giang	thôn Làng Rí, Đồng Giang	2392/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
8	dự án củng cố, nâng cấp liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gà kiến	thôn Gò Ngoài, Làng Rê	2390/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
9	Dự án củng cố, nâng cấp liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm Bắp thương phẩm	thôn Làng Xinh	2434/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
10	Dự án liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm dê bản địa thương phẩm	thôn Gò Da và thôn Làng Xinh	số 2433/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
11	Thuyết minh dự án liên kết, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm đậu phụng	thôn Làng Trắng, Làng Trá, xã Sơn Cao	số 2288/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Sơn Hà
12	Dự án củng cố, nâng cấp liên kết, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gà kiến	Làng Mơn, Xã Ấy, Làng Trắng,	số 2360/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
13	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm Gà kiến (Gà thịt, trứng gà) xã Sơn Hải	Thôn Tả Pía, Gò Sim, Tả Mát	số 2541/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
14	Dự án củng cố, nâng cấp liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm dê bản địa thương phẩm	Thôn Tả Pía, Gò Sim, Tả Mát, Làng Rên, Làng	số 2391/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
15	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm Gà kiến (Gà thịt, trứng gà)	UBND xã Sơn Thủy	

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện (xã)	Số Quyết định phê duyệt dự án
16	Dự án củng cố, nâng cấp liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm dê bản địa thương phẩm	thôn Làng Rào	số 2391/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND huyện Sơn Hà
17	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm dê bản địa thương phẩm (dê thịt) xã Sơn Kỳ	thôn Làng Rút, Làng Rê, Làng Dọc, Nước Lác	số 2529/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
18	dự án củng cố, nâng cấp liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm heo ky	Thôn Làng Trắng, Làng Dọc	số 2528/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
19	dự án củng cố, nâng cấp liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm đậu phụng	thôn Làng Già, Cà Nhau	số 2432/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
20	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm dê bản địa thương phẩm (dê thịt) xã Sơn Ba	thôn Làng Rạnh, Làng Già	số 2341/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND huyện Sơn Hà
21	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm dê bản địa thương phẩm (dê thịt) xã Sơn Trung	Thôn Tà Màu	số 2543/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
22	Dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm dê bản địa thương phẩm (dê thịt) xã Sơn Trung	Thôn Tà Màu	số 2398/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
23	Dự án liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm dê bản địa thương phẩm	Tại thôn Nước Tắm, Gò Răng, Làng Vồ, Tà Pa, Bờ Bao	số 2395/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
24	Dự án củng cố, nâng cấp liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gà kiến	thôn Tà Pa, Làng Nưa, Gò Răng, Làng Vồ, Nước Tắm	số 2391/QĐ-UBND ngày 11/11/2029 của UBND huyện Sơn Hà
25	dự án củng cố, nâng cấp liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm heo bản địa	thôn Nước Bao, Mang Nà, Tà Lương, Làng Mùng	số 2617/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Sơn Hà
26	Dự án liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm dê bản địa thương phẩm	thôn Pà Rang, Làng Chúc, Tà lương, Nước Bao	số 2446/QĐ-UBND ngày 11/11/2031 của UBND huyện Sơn Hà
X	Huyện Sơn Tây		
1	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bò cò	Sơn Tân	2111/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Sơn Tây
2	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Cau	Sơn Tân	2243a/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND huyện Sơn Tây
3	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bưởi da xanh	Sơn Liên	2112/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND huyện Sơn Tây
4	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Cau	Sơn Dung	1811/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND huyện Sơn Tây

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện (xã)	Số Quyết định phê duyệt dự án
5	Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bưởi da xanh	Sơn Mùa	2110a/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Sơn Tây
6	Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Cau	Sơn Mùa	2226a/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND huyện Sơn Tây
7	Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bưởi da xanh	Sơn Bua	2104/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Sơn Tây
8	Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Cau	Sơn Bua	2231a/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND huyện Sơn Tây
9	Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bưởi da xanh	Sơn Long	2108/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Sơn Tây
10	Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Cau	Sơn Tinh	2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Sơn Tây
11	Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bưởi da xanh	Sơn Lập	2107a/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Sơn Tây
12	Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Cau	Sơn Lập	2225a/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND huyện Sơn Tây
13	Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Chanh không hạt	Sơn Màu	2104a/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Sơn Tây
14	Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Cau	Sơn Màu	2249a/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND huyện Sơn Tây
XI	Huyện Lý Sơn		
1	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm hành tím xã An Hải	An Hải	1185/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND huyện Lý Sơn
2	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm hành tím xã An Vĩnh	An Vĩnh	1186/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND huyện Lý Sơn
3	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm hành tím xã An Bình	An Bình	1184/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND huyện Lý Sơn
XII	Huyện Tây Trà		
1	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây Cam Sành	Trà Xinh	1659/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Tây Trà
2	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm Bò vàng	Trà Phong	1666/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Tây Trà
3	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm Bò vàng	Trà Thanh	1670/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Tây Trà
4	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm chè bẻ cành	Trà Nham	1449/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện Tây Trà
5	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm Bò vàng	Trà Trung	1665/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Tây Trà
6	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây Bưởi da xanh	Trà Khê	1451/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện Tây Trà
7	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm chuối Đồng Nai	Trà Quân	1662/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Tây Trà
8	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm Bò vàng	Trà Lãnh	1679/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND huyện Tây Trà
9	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm chuối Đồng Nai	Trà Thọ	1673/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND huyện Tây Trà
10	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm Sầu Riêng, Cam Sành	Trà Thanh	1669/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Tây Trà



Phụ lục III b

Kết quả thực hiện Dự án (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG GN bền vững năm 2019
 (Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Kết quả thực hiện		Ghi chú
				Thực hiện năm 2019	% so với kế hoạch năm 2019	
B	Chương trình 135	Triệu đồng	91.216,645	71.504,301	78,39	
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK	Triệu đồng	64.009,000	48.540,301	75,83	
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	64.009,000	48.540,301	75,83	
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	59.680,000	45.413,570	76,10	
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	4.329,000	3.126,731	72,23	
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng	59.680,000	48.540,301	81,33	
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	59.680,000	45.413,570	76,10	
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	4.329,000	3.126,731	72,23	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0	0		
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình	93	51		
	Công trình giao thông	Công trình	63	34		
	Công trình thủy lợi	Công trình	15	6		
	Công trình điện	Công trình				
	Công trình sinh hoạt động đồng	Công trình	5	3		
	Trạm phát thanh	Công trình				
	Công trình nước sinh hoạt	Công trình	5	4		
	Công trình giáo dục	Công trình	5	4		

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Kết quả thực hiện		Ghi chú
				Thực hiện năm 2019	% so với kế hoạch năm 2019	
	Công trình khác	Công trình				
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp, trả nợ (theo từng loại công trình)	Công trình	25	25		
	Công trình giao thông	Công trình	19	19		
	Công trình thủy lợi	Công trình	3	3		
	Công trình điện	Công trình	2	2		
	Công trình sinh hoạt động đồng	Công trình				
	Trạm phát thanh	Công trình				
	Công trình nước sinh hoạt	Công trình	1	1		
	Công trình giáo dục	Công trình				
	Công trình khác	Công trình	-	-		
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình	24	11		
	Công trình giao thông	Công trình	11	4		
	Công trình thủy lợi	Công trình	6			
	Công trình sinh hoạt động đồng	Công trình	3	3		
	Công trình nước sinh hoạt	Công trình	4	4		
	Công trình giáo dục	Công trình				
3	Tổng số xã	Xã	50			
4	Tổng số thôn bản	Thôn bản	47			
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK	Triệu đồng	24.817,645	22.964,000	92,53	
I	Tổng ngân sách	Triệu đồng	24.817,645	22.964,000	92,53	
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	15.405,000	13.551,000	87,96	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	1.290,000	1.290,000		
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng	8.122,645	8.123,000		

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Kết quả thực hiện		Ghi chú
				Thực hiện năm 2019	% so với kế hoạch năm 2019	
2	Kết quả thực hiện					
	- Số dự án PTSX					
	+ Số người được hỗ trợ	Lượt hộ	671	671		
	+ Số dự án được triển khai, cụ thể:	Dự án	51	51		
	Hỗ trợ giống cây trồng					
	Hỗ trợ giống vật nuôi					
	Hỗ trợ vật tư sản xuất					
	Hỗ trợ công cụ sản xuất					
	Tập huấn					
	- Số mô hình NRMHGN					
	+ Số người được hỗ trợ	Người	205	110		
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình	6	5		
	Chăn nuôi gà kiến thả vườn					
	Nuôi heo cỏ địa phương					
	Liên kết tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm heo ky					
	Chăn nuôi bò cái địa phương sinh sản					
	Chăn nuôi trâu cái nội sinh sản					
III	Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng trên địa bàn xã ĐBKk, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBKk	Triệu đồng	2.390	0,00	0,00	
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	2.390	0,00	0,00	
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	2.390,00		0,00	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)					

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Kết quả thực hiện		Ghi chú
				Thực hiện năm 2019	% so với kế hoạch năm 2019	
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp	0			
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ	0			
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp	0			
	+ Học tập kinh nghiệm	Chuyến				
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người				

Phụ lục IV
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2019
 (Kính cáo Báo cáo số 20 /BC-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Tên huyện, cơ quan, đơn vị	Kinh phí bố trí năm 2019	Trong đó		Tiểu dự án 1: đầu tư CSHT	Trong đó		Tiểu dự án 2: Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	Tiểu dự án 3: Đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở	Dự kiến thực hiện năm 2019	Tiểu dự án 1: đầu tư CSHT	Trong đó		Tiểu dự án 2: Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	Tiểu dự án 3: Đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ	Tỉ lệ % thực hiện so với dự toán
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp					Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)=(7)	(5)=(8)+(9)+(10)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(15)+(16)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)=(11)/(3)
	Tổng số	81.803	59.680	22.123	64.008	59.680	4.329	15.405	2.390	74.112	60.544	56.696	3.848	13.568	-	90,6%
1	Huyện Ba Tơ	19.451	15.175	4.276	16.333	15.175	1.158	3.118	-	18.572	15.516	14.416	1.100	3.056	-	95,5%
2	Huyện Minh Long	7.238	5.643	1.595	6.065	5.643	422	1.173	-	6.417	5.361	5.361	-	1.056	-	88,7%
3	Huyện Sơn Hà	13.434	10.586	2.848	11.070	10.586	484	2.364	-	12.904	10.540	10.057	484	2.364	-	96,1%
4	Huyện Sơn Tây	10.702	8.373	2.329	9.078	8.373	705	1.624	-	10.202	8.659	7.954	705	1.543	-	95,3%
5	Huyện Tây Trà	11.171	8.689	2.482	9.440	8.689	751	1.731	-	10.737	9.006	8.255	751	1.731	-	96,1%
6	Huyện Trà Bồng	11.431	8.849	2.582	9.600	8.849	751	1.831	-	10.989	9.158	8.407	751	1.831	-	96,1%
7	Huyện Tư Nghĩa	1.156	965	191	1.023	965	58	133	-	1.108	975	917	58	133	-	95,8%
8	Huyện Bình Sơn	250	200	50	200	200	-	50	-	240	190	190	-	50	-	96,0%
9	Huyện Sơn Tịnh	500	400	100	400	400	-	100	-	480	380	380	-	100	-	96,0%
10	Huyện Nghĩa Hành	1.000	800	200	800	800	-	200	-	960	760	760	-	200	-	96,0%
11	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	3.081	-	3.081	-	-	-	3.081	-	1.504	-	-	-	1.504	-	48,8%
12	Ban Dân tộc tỉnh	2.390	-	2.390	-	-	-	-	2.390	-	-	-	-	-	-	0,0%



Phụ lục V

ÁP NHẬT CÔNG THÔN TIN ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Báo cáo số 20 /BC-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Bảng 1. Kết quả xây dựng nông thôn mới

TT	Mục tiêu	Kết quả tính đến 31/12 của năm 2018	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019	Ghi chú
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/ xã	13,7	13,95	15	
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/ xã của các xã nghèo đặc biệt khó khăn	8,29	10,01	9,5	
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã				
	Số xã đạt chuẩn 19 tiêu chí	59	60	83	
	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 17 tiêu chí	1	4	1	
	Số xã đạt 16 tiêu chí	3	5	7	
	Số xã đạt 15 tiêu chí	11	10	9	
	Số xã đạt 14 tiêu chí	16	11	9	
	Số xã đạt 13 tiêu chí	5	8	7	
	Số xã đạt 12 tiêu chí	5	5	6	
	Số xã đạt 11 tiêu chí	7	9	4	
	Số xã đạt 10 tiêu chí	14	16	10	
	Số xã đạt 9 tiêu chí	13	8	9	
	Số xã đạt 8 tiêu chí	10	11	10	
	Số xã đạt 7 tiêu chí	13	11	9	
	Số xã đạt 6 tiêu chí	6	5	3	
	Số xã đạt 5 tiêu chí	1	1	0	
	Số xã đạt 4 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 3 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 2 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 01 tiêu chí	0	0	0	
4	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí				
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch	164	164	164	
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về Giao thông	81	83	96	
	Số xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi	115	121	118	
	Số xã đạt tiêu chí số 4 về Điện	154	157	164	
	Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học	81	83	90	

	Số xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hoá	78	81	96	
	Số xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	150	151	153	
	Số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin & truyền thông	149	149	154	
	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư	125	125	136	
	Số xã đạt tiêu chí số 10 về	81	81	101	
	Số xã đạt tiêu chí số 11 về	91	96	102	
	Số xã đạt tiêu chí số 12 về	143	144	151	
	Số xã đạt tiêu chí số 13 về	108	115	121	
	Số xã đạt tiêu chí số 14 về	130	130	145	
	Số xã đạt tiêu chí số 15 về	116	121	124	
	Số xã đạt tiêu chí số 16 về	145	147	158	
	Số xã đạt tiêu chí số 17 về	84	84	105	
	Số xã đạt tiêu chí số 18 về	109	110	125	
	Số xã đạt tiêu chí số 19 về	142	145	156	

Bảng 2- Kết quả huy động và lồng ghép nguồn lực

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nguồn lực	Năm 2018	6 tháng năm 2019	Ước cả năm 2019
	Tổng số	2.544.048	1.488.322	2.347.175
1	NSTW hỗ trợ trực tiếp	20.3000	363.500	363.400
	Vốn Đầu tư phát triển	144.200	283.000	283.000
	Vốn Sự nghiệp kinh tế	58.800	80.400	80.400
	Vốn TPCP			
2	NS địa phương	492.970	638.395	738.960
3	Lồng ghép	571.268	329.105	743.790
4	Tín dụng	1.088.495	111.381	423.200
5	Doanh nghiệp	25.600	5.007	20.537
6	Cộng đồng	162.715	41.034	57.288
7	Khác (...)			